

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

TT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	01.087	Võ Hoàng Khải	Nghi	Nữ	14/7/1995	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Mầm non hạng III	79,5		79,5	
2	01.086	Trương Thị Thu	Ngân	Nữ	14/4/1995	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Mầm non hạng III	78,5		78,5	
3	01.088	Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	12/6/1994	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Mầm non hạng III	71,0		71,0	
4	02.178	Nguyễn Thị	Trúc	Nữ	28/9/1997	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Tiểu học hạng III	91,4	5	96,4	
5	02.135	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	15/6/1992	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Tiểu học hạng III	94,3		94,3	
6	02.074	Hồ Văn	Lập	Nam	01/5/1998	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Tiểu học hạng III	84,3	5	89,3	
7	02.010	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	03/8/1996	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Tiểu học hạng III	81,3		81,3	
8	02.145	Đinh Thị	Thọ	Nữ	28/02/1999	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Tiểu học hạng III	78,9		78,9	
9	02.001	Đoàn Văn	A	Nam	15/02/1995	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Tiểu học hạng III	74,3		74,3	
10	02.125	Hoàng Thị Bích	Phương	Nữ	09/5/1996	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Tiểu học hạng III	70,5		70,5	
11	02.128	Trần Thị Bích	Phượng	Nữ	01/8/1999	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Tiểu học hạng III	55,0	5	60,0	
12	02.086	Đoàn Văn	Lực	Nam	01/3/1994	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Tiểu học hạng III	54,5		54,5	
13	03.083	Hồ Thị	Út	Nữ	12/6/1996	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	74,3	5	79,3	
14	03.031	Trần Diễm	Hương	Nữ	24/3/1992	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	76,5		76,5	
15	03.037	Trần Thị Ngọc	Loan	Nữ	13/10/1994	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	68,3	5	73,3	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
16	06.054	Bùi Văn Nhon	Nam	04/8/1999	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	86,3		86,3	
17	06.056	ZoRâm Phao	Nam	18/7/1994	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	50,0	5	55,0	
18	08.001	Nguyễn Đức An	Nam	26/7/1997	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	79,3		79,3	
19	08.093	Nguyễn Thị Ái My	Nữ	30/4/1994	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	73,8		73,8	
20	08.154	Nguyễn Ngọc Trang	Nam	22/01/1996	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	73,0		73,0	
21	11.063	Trần Thị Kim Ngọc	Nữ	23/02/1994	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	75,3		75,3	
22	14.007	Võ Thị Hạ	Nữ	25/3/1999	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	63,3		63,3	
23	15.002	Poloong Thị Báo	Nữ	20/10/1999	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	64,2	5	69,2	
24	15.070	Hồ Thị Xương	Nữ	10/5/1996	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	63,0	5	68,0	
25	17.019	Lê Thị Lết	Nữ	07/8/1996	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	58,0	5	63,0	
26	18.027	Blúp Nàng	Nữ	21/6/1999	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên THCS hạng III (Môn GD&ĐT)	76,3	5	81,3	
27	18.009	Trịnh Thị Diệu	Nữ	10/8/1999	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên THCS hạng III (Môn GD&ĐT)	66,3	5	71,3	
28	18.016	Hồ Thị Hồng	Nữ	12/3/1998	UBND huyện Bắc Trà My	Giáo viên THCS hạng III (Môn GD&ĐT)	65,8	5	70,8	
29	24.060	Lê Thị Minh Ly	Nữ	17/11/1990	UBND huyện Bắc Trà My	Kế toán viên trung cấp	86,0	5	91,0	
30	24.103	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	20/3/1985	UBND huyện Bắc Trà My	Kế toán viên trung cấp	65,5		65,5	
31	26.015	Phạm Thị Đêm	Nữ	06/3/1993	UBND huyện Bắc Trà My	Văn thư viên trung cấp	82,4	5	87,4	
32	26.075	Nguyễn Viết Thùy Trang	Nữ	12/8/1987	UBND huyện Bắc Trà My	Văn thư viên trung cấp	85,9		85,9	
33	26.076	Phan Thị Thanh Trang	Nữ	22/8/1989	UBND huyện Bắc Trà My	Văn thư viên trung cấp	83,0		83,0	

TT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
34	26.050	Ninh Thị Mỹ	Nhân	Nữ	12/01/1990	UBND huyện Bắc Trà My	Văn thư viên trung cấp	79,8		79,8	
35	26.066	Hoàng Thị	Thúy	Nữ	22/7/1989	UBND huyện Bắc Trà My	Văn thư viên trung cấp	69,8	5	74,8	
36	26.058	Hồ Thanh	Quyền	Nam	11/01/1986	UBND huyện Bắc Trà My	Văn thư viên trung cấp	68,0	5	73,0	
37	27.023	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	02/01/1989	UBND huyện Bắc Trà My	Y sĩ hạng IV	51,3		51,3	
38	29.019	Phạm Lê Thị Ái	Liễu	Nữ	02/9/1990	UBND huyện Bắc Trà My	Thư viện viên hạng IV	84,0		84,0	
39	29.040	Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	10/4/1988	UBND huyện Bắc Trà My	Thư viện viên hạng IV	73,5		73,5	
40	29.048	Lê Thị	Trí	Nữ	14/4/1993	UBND huyện Bắc Trà My	Thư viện viên hạng IV	64,5	5	69,5	
41	29.013	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	Nữ	08/12/1992	UBND huyện Bắc Trà My	Thư viện viên hạng IV	66,3		66,3	
42	29.036	Trương Thị Giang	Thi	Nữ	06/3/1997	UBND huyện Bắc Trà My	Thư viện viên hạng IV	56,8		56,8	
43	29.020	Nguyễn Thị Ái	Loan	Nữ	01/01/1987	UBND huyện Bắc Trà My	Thư viện viên hạng IV	55,5		55,5	
44	01.001	Hứa Thị Mỹ	An	Nữ	01/3/2000	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Mầm non hạng III	85,0		85,0	
45	01.082	Lê Nguyễn Thanh	Nga	Nữ	29/6/2000	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Mầm non hạng III	84,3		84,3	
46	01.017	Phạm Thị Tuyết	Dung	Nữ	17/02/1995	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Mầm non hạng III	82,5		82,5	
47	01.110	Nguyễn Thị	Sang	Nữ	14/10/1990	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Mầm non hạng III	82,0		82,0	
48	01.016	Lê Thị Hoàng	Diệu	Nữ	04/02/2000	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Mầm non hạng III	80,5		80,5	
49	01.101	Huỳnh Thanh	Phương	Nữ	14/3/1998	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Mầm non hạng III	70,8		70,8	
50	01.085	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	06/6/1993	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Mầm non hạng III	70,0		70,0	
51	02.021	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	04/5/1998	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	93,9	5	98,9	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
52	02.020	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	24/02/1997	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	96,1		96,1	
53	02.006	Đỗ Thị Ngọc Bích	Nữ	19/01/1996	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	94,3		94,3	
54	02.072	Ngô Thị Lài	Nữ	01/01/1992	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	92,6		92,6	
55	02.194	Nguyễn Thị Lan Vương	Nữ	28/02/1998	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	92,0		92,0	
56	02.062	Nguyễn Văn Hưng	Nam	01/4/1995	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	90,0		90,0	
57	02.038	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	20/9/1989	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	88,0		88,0	
58	02.187	Hồ Võ Khánh Vân	Nữ	17/5/1999	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	87,3		87,3	
59	02.023	Huỳnh Thị Đào	Nữ	15/02/1994	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	82,0		82,0	
60	02.094	Lê Thị Hồng Minh	Nữ	18/8/1987	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	82,0		82,0	
61	02.082	Lưu Thị Linh	Nữ	29/10/1989	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	81,1		81,1	
62	02.032	Nguyễn Thị Hạ	Nữ	12/12/1998	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	76,5		76,5	
63	02.048	Nguyễn Thị Hiệp	Nữ	07/11/1999	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	71,3		71,3	
64	02.118	Nguyễn Thị Ánh Nhung	Nữ	05/5/2000	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	59,5		59,5	
65	02.026	Lê Thị Điệp	Nữ	16/3/1994	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III	50,0		50,0	
66	03.075	Lê Thị Tình	Nữ	15/6/1991	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	81,5		81,5	
67	03.087	Phan Thị Kiều Vân	Nữ	06/02/1997	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	77,3		77,3	
68	03.092	Nguyễn Thị Nhật Yên	Nữ	15/10/1986	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	68,0		68,0	
69	03.019	Võ Thị Hiền	Nữ	16/6/1995	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	61,5		61,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
70	07.002	Nguyễn Thị Đăng Hiếu	Nữ	20/9/1992	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Âm nhạc)	79,0		79,0	
71	12.011	Trần Thị Vương	Nữ	26/10/1992	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tin học)	77,0		77,0	
72	12.004	Nguyễn Thị Mỹ Hương	Nữ	23/10/1990	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tin học)	67,5		67,5	
73	12.002	Trần Thị Mỹ Hà	Nữ	15/3/1992	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tin học)	61,5		61,5	
74	16.011	Trần Thị Thu Phương	Nữ	08/9/1994	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tiếng Anh)	66,0		66,0	
75	20.002	Võ Đại Châu	Nam	29/3/1987	UBND huyện Duy Xuyên	Giáo viên THCS hạng III (Môn Âm nhạc)	53,5		53,5	
76	27.008	Đặng Thị Diễm	Nữ	09/02/1992	UBND huyện Duy Xuyên	Y sĩ hạng IV	82,5		82,5	
77	27.028	Nguyễn Thị Kim Lý	Nữ	01/01/1991	UBND huyện Duy Xuyên	Y sĩ hạng IV	78,0		78,0	
78	27.049	Phạm Hoàng Thắng	Nam	06/01/1995	UBND huyện Duy Xuyên	Y sĩ hạng IV	74,8		74,8	
79	27.043	Lê Thị Hoài Phương	Nữ	05/5/1989	UBND huyện Duy Xuyên	Y sĩ hạng IV	71,5		71,5	
80	27.052	Thái Thị Thanh Thoa	Nữ	20/8/1992	UBND huyện Duy Xuyên	Y sĩ hạng IV	71,0		71,0	
81	29.051	Nguyễn Thị Mỹ Tường	Nữ	26/11/1993	UBND huyện Duy Xuyên	Thư viện viên hạng IV	72,0		72,0	
82	01.173	Tào Thị Hoàng Yến	Nữ	01/01/2000	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	84,5		84,5	
83	01.138	Trần Thị Kim Thu	Nữ	19/9/1985	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	83,5		83,5	
84	01.038	Phạm Thị Hiền	Nữ	12/01/1994	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	83,3		83,3	
85	01.020	Hứa Thị Dương	Nữ	15/10/1994	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	82,3		82,3	
86	01.026	Nguyễn Thị Đức	Nữ	10/01/1990	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	75,5	5	80,5	
87	01.123	Lê Thị Mai Thảo	Nữ	02/5/2000	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	80,5		80,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
88	01.126	Phan Thị Thảo	Nữ	21/3/1994	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	80,0		80,0	
89	01.066	Nguyễn Thị Ánh Linh	Nữ	15/5/1998	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	74,5		74,5	
90	01.164	Lê Thị Tươi	Nữ	04/02/2000	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	73,8		73,8	
91	01.061	Huỳnh Thị Liên	Nữ	25/10/1991	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	72,5		72,5	
92	01.129	Trần Thị Thoa	Nữ	01/7/1988	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	72,5		72,5	
93	01.041	Phan Thị Kiều Hoa	Nữ	24/02/1998	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	71,8		71,8	
94	01.104	Phan Thị Thanh Phương	Nữ	08/5/1994	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	71,0		71,0	
95	01.117	Nguyễn Thị Lệ Tâm	Nữ	12/02/1987	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	67,3		67,3	
96	01.013	Đỗ Thị Mỹ Diễm	Nữ	29/9/1996	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Mầm non hạng III	66,0		66,0	
97	02.040	Phạm Nguyễn Văn Hằng	Nữ	30/4/1998	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Tiểu học hạng III	92,0		92,0	
98	02.030	Phạm Thị Thu Hà	Nữ	23/6/1996	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Tiểu học hạng III	89,5		89,5	
99	02.059	Phạm Thị Huệ	Nữ	19/9/1987	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Tiểu học hạng III	85,5		85,5	
100	02.143	Lê Thị Thế	Nữ	13/7/1997	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Tiểu học hạng III	78,0	5	83,0	
101	02.036	Đinh Thị Hằng	Nữ	22/01/1999	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Tiểu học hạng III	77,3	5	82,3	
102	02.148	Huỳnh Thị Thanh Thúy	Nữ	03/02/1997	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Tiểu học hạng III	80,8		80,8	
103	02.189	Nguyễn Thị Tường Vân	Nữ	22/10/1999	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Tiểu học hạng III	80,8		80,8	
104	02.162	Võ Thị Như Thương	Nữ	13/7/1993	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Tiểu học hạng III	73,0	5	78,0	
105	02.083	Nguyễn Thúy Linh	Nữ	01/4/1996	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Tiểu học hạng III	77,0		77,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
106	02.067	Nguyễn Xuân Kiên	Nam	24/12/1998	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Tiểu học hạng III	67,1		67,1	
107	04.003	Trương Thị Diễm	Nữ	26/3/1997	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	63,0		63,0	
108	05.002	Nguyễn Thị Minh Hạ	Nữ	22/7/1998	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Mỹ thuật)	78,0		78,0	
109	08.089	Diệp Thị Lý	Nữ	12/12/1993	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	92,0		92,0	
110	08.044	Lê Thị Hiền	Nữ	04/11/1996	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	86,3		86,3	
111	08.157	Nguyễn Thị Trâm	Nữ	22/6/1995	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	82,0		82,0	
112	08.083	Lê Phạm Văn Lượng	Nam	15/12/1996	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	78,8		78,8	
113	08.132	Phạm Thị Thanh Tâm	Nữ	01/10/1994	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	75,0		75,0	
114	10.073	Nguyễn Thị Thái Vũ	Nữ	25/7/1992	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	78,0		78,0	
115	11.047	Trần Thị Kim Lên	Nữ	26/12/1992	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	92,5		92,5	
116	11.065	Phan Thị Thanh Nguyên	Nữ	06/8/1995	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	91,0		91,0	
117	11.090	Ngô Thị Phương Thảo	Nữ	14/01/1995	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	81,8		81,8	
118	11.083	Nguyễn Thị Hồng Sương	Nữ	18/11/1997	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	72,5		72,5	
119	13.116	Tô Tấn Trà	Nam	15/6/1995	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	71,4		71,4	
120	13.062	Võ Thị Mỹ	Nữ	26/6/1998	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	62,6		62,6	
121	13.118	Trần Thị Thùy Trâm	Nữ	04/01/1997	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	58,3		58,3	
122	13.036	Huỳnh Thị Hồng	Nữ	02/3/1993	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	54,1		54,1	
123	14.013	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Nữ	28/8/1999	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	67,3		67,3	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
124	15.067	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	24/6/1995	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	63,0		63,0	
125	18.029	Y Nhi	Nữ	18/12/1999	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn GD&ĐT)	59,5	5	64,5	
126	20.004	Hồ Thị Ánh Hồng	Nữ	10/02/1984	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Âm nhạc)	62,5		62,5	
127	22.001	Bùi Nguyễn Thiên Thanh	Nữ	17/10/1997	UBND huyện Đại Lộc	Giáo viên THCS hạng III (Môn Công nghệ nông nghiệp)	70,0		70,0	
128	01.056	Alăng Thị Lanh	Nữ	24/8/2000	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	86,5	5	91,5	
129	01.111	A Viết Thị Sen	Nữ	30/4/2000	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	77,5	5	82,5	
130	01.151	Hà Thị Tịnh	Nữ	12/9/1998	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	77,0	5	82,0	
131	01.146	BLing Thị Thương	Nữ	02/5/1995	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	75,5	5	80,5	
132	01.157	Zơ Râm Thị Trang	Nữ	15/5/1995	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	63,5	5	68,5	
133	01.050	Nguyễn Thị Kiều	Nữ	07/4/1994	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	64,0		64,0	
134	02.091	ALăng Thị Mai	Nữ	15/8/2000	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	93,3	5	98,3	
135	02.199	A Rất Thị Yên	Nữ	26/12/2000	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	91,1	5	96,1	
136	02.159	Alăng Thị Thư	Nữ	13/11/1997	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	90,0	5	95,0	
137	02.007	A Lăng Thị Bíp	Nữ	05/12/1994	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	89,5	5	94,5	
138	02.065	Zorâm Thị Lan Hương	Nữ	06/6/1998	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	89,5	5	94,5	
139	02.046	Arất Thị Hiền	Nữ	08/02/1995	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	88,8	5	93,8	
140	02.146	ALăng Thị Thom	Nữ	21/7/1993	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	88,1	5	93,1	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
141	02.005	Cơ Lâu Thị Bích	Nữ	14/4/1993	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	87,0	5	92,0	
142	02.045	Arâl Thị Hiền	Nữ	29/5/1999	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	85,3	5	90,3	
143	02.011	Zơ Râm Chơn	Nữ	20/4/1994	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	84,3	5	89,3	
144	02.181	ATing Út	Nam	12/7/1997	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	83,0	5	88,0	
145	02.027	Zơ Râm Diệu	Nữ	02/4/1999	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	82,8	5	87,8	
146	02.087	PơLoong Thị Ly	Nữ	24/8/1995	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	81,6	5	86,6	
147	02.102	Bhriu Thị Nga	Nữ	21/9/1999	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	81,5	5	86,5	
148	02.120	ALăng Ních	Nữ	13/7/1993	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	79,3	5	84,3	
149	02.024	ALăng Đất	Nữ	05/9/1991	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	78,9	5	83,9	
150	02.190	BLúp Thị Vênh	Nữ	15/3/1997	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	77,8	5	82,8	
151	02.076	ALăng Thị Lệ	Nữ	15/11/1993	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	77,5	5	82,5	
152	02.075	Bhnróch Thị Léo	Nữ	01/01/1998	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	75,0	5	80,0	
153	02.121	ALăng Thị Nốt	Nữ	10/01/1995	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	75,0	5	80,0	
154	02.079	ALăng Thị Luân	Nữ	16/8/1992	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	74,8	5	79,8	
155	02.084	ALăng Loạn	Nữ	02/10/1988	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	73,9	5	78,9	
156	02.029	Pơ Loong Giới	Nữ	15/10/1993	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	73,6	5	78,6	
157	02.069	Bhrúu Thị Kìu	Nữ	25/3/1995	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	73,0	5	78,0	
158	02.127	Alăng Thị Phượng	Nữ	30/3/1999	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	72,8	5	77,8	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
159	02.132	BRúu Thị Song	Nữ	10/02/1988	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	72,1	5	77,1	
160	02.016	Cơ Lâu Thị Dung	Nữ	10/4/1996	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	71,1	5	76,1	
161	03.076	Bờ Nướch Tới	Nữ	10/10/1995	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	73,5	5	78,5	
162	03.006	Alăng Thị Bưng	Nữ	24/10/1996	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	71,8	5	76,8	
163	03.002	Bnướch Thị APum	Nữ	06/11/1998	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	65,5	5	70,5	
164	04.005	Alăng Thị Xuân Đà	Nữ	20/5/1996	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	92,0	5	97,0	
165	04.013	Mai Thị Thu Nga	Nữ	18/02/1992	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	89,0		89,0	
166	04.023	Phạm Duy Từ	Nam	05/5/1991	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	89,0		89,0	
167	04.009	Nguyễn Thị Kiều	Nữ	11/7/1988	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	88,5		88,5	
168	06.033	A Lăng Thị Säck KaLen	Nữ	01/01/1996	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	78,5	5	83,5	
169	08.082	Nguyễn Hồng Lực	Nam	10/12/1991	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	61,0	2,5	63,5	
170	08.034	Nguyễn Thị Hải	Nữ	15/8/1996	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	54,8		54,8	
171	10.004	Zơ Râm Dịu	Nữ	20/11/1994	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	68,0	5	73,0	
172	10.040	A Lăng Thị Nghĩa	Nữ	11/12/1996	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	54,5	5	59,5	
173	12.001	Arăt Cho	Nam	10/8/1997	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tin học)	50,0	5	55,0	
174	12.005	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Nữ	30/3/1989	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tin học)	52,0		52,0	
175	12.003	Mai Thị Thu Hương	Nữ	08/11/1987	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tin học)	50,0		50,0	
176	13.004	ALăng Thị Ắm	Nữ	05/9/1999	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	80,3	5	85,3	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
177	13.125	Hà Thị Uyên	Nữ	20/10/1995	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	77,5		77,5	
178	14.059	ALăng Vuông	Nam	09/10/1996	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	86,3	5	91,3	
179	14.029	Đinh Thị Thanh Ngọc	Nữ	13/11/1992	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	81,5	5	86,5	
180	15.025	Alăng Thị Luật	Nữ	09/5/1999	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	81,0	5	86,0	
181	16.004	Bríu Thị Bùm	Nữ	24/01/1999	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tiếng Anh)	52,8	5	57,8	
182	16.017	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	09/9/1994	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tiếng Anh)	51,0	5	56,0	
183	17.039	Nguyễn Thanh Tâm	Nam	30/01/1994	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	74,8		74,8	
184	17.041	ALăng Tem	Nam	10/02/1993	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	68,0	5	73,0	
185	17.016	CoLâu Lăng	Nam	17/4/1992	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	65,0	5	70,0	
186	18.030	A Lăng Núp	Nam	12/4/1997	UBND huyện Đông Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn GD&ĐT)	85,8	5	90,8	
187	24.087	ALăng Thành	Nam	06/12/1994	UBND huyện Đông Giang	Kế toán viên trung cấp	73,8	5	78,8	
188	24.074	Lê Thị Ngọc Phước	Nữ	30/6/1994	UBND huyện Đông Giang	Kế toán viên trung cấp	76,0		76,0	
189	24.053	BRíu Thị Linh	Nữ	09/10/1994	UBND huyện Đông Giang	Kế toán viên trung cấp	70,0	5	75,0	
190	24.084	Huỳnh Thị Thanh Tâm	Nữ	19/11/1995	UBND huyện Đông Giang	Kế toán viên trung cấp	71,1		71,1	
191	24.079	Hiên Quê	Nam	20/4/1991	UBND huyện Đông Giang	Kế toán viên trung cấp	63,3	5	68,3	
192	24.109	Đỗ Thị Ánh Tuyết	Nữ	10/10/1984	UBND huyện Đông Giang	Kế toán viên trung cấp	62,3		62,3	
193	24.042	Brao Hoàng	Nam	16/8/1987	UBND huyện Đông Giang	Kế toán viên trung cấp	57,0	5	62,0	
194	24.083	Hồ Văn Tám	Nam	08/5/1988	UBND huyện Đông Giang	Kế toán viên trung cấp	52,6	5	57,6	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
195	26.035	ALăng Thị Liên	Nữ	28/5/1993	UBND huyện Đông Giang	Văn thư viên trung cấp	73,0	5	78,0	
196	26.040	ALăng Thị Lý	Nữ	18/9/1995	UBND huyện Đông Giang	Văn thư viên trung cấp	66,1	5	71,1	
197	26.094	ALăng Thị Yển	Nữ	25/7/1993	UBND huyện Đông Giang	Văn thư viên trung cấp	64,8	5	69,8	
198	26.049	Pơ Loong Nháp	Nữ	20/10/1992	UBND huyện Đông Giang	Văn thư viên trung cấp	62,9	5	67,9	
199	27.001	Tăng Tấn Bảo	Nam	03/10/1994	UBND huyện Đông Giang	Y sĩ hạng IV	58,5		58,5	
200	29.034	Cơ Lâu Thị Tài	Nữ	03/7/1995	UBND huyện Đông Giang	Thư viện viên hạng IV	61,5	5	66,5	
201	29.027	Bhnróch Thị Nêm	Nữ	07/3/1990	UBND huyện Đông Giang	Thư viện viên hạng IV	59,3	5	64,3	
202	29.037	Alăng Thị Thu	Nữ	05/9/1994	UBND huyện Đông Giang	Thư viện viên hạng IV	54,0	5	59,0	
203	01.078	Trần Nguyễn Nhật Minh	Nữ	06/6/1999	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Mầm non hạng III	92,0		92,0	
204	01.035	Hoàng Thị Ngọc Hân	Nữ	06/9/1996	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Mầm non hạng III	85,5		85,5	
205	01.004	Trần Thị Thúy An	Nữ	06/8/1997	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Mầm non hạng III	84,0		84,0	
206	01.009	Võ Thị Mỹ Châu	Nữ	02/02/1996	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Mầm non hạng III	81,0		81,0	
207	02.109	Võ Thị Ngọc	Nữ	01/6/1991	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III	97,5		97,5	
208	02.144	Hứa Lê Đan Thịnh	Nữ	05/7/1996	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III	96,3		96,3	
209	02.078	Nguyễn Thị Lệ	Nữ	26/3/1998	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III	90,0		90,0	
210	02.141	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	25/02/1989	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III	88,0		88,0	
211	02.149	Lê Thị Minh Thúy	Nữ	08/02/1993	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III	84,8		84,8	
212	02.196	Lê Thị Thúy Vy	Nữ	11/4/1998	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III	82,5		82,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
213	02.019	Lê Thị Mỹ Duyên	Nữ	01/7/1997	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III	82,4		82,4	
214	03.021	Nguyễn Thị Huệ Hoa	Nữ	09/9/1995	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	84,8		84,8	
215	03.081	Trần Thị Tố Trinh	Nữ	21/3/1994	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	81,3		81,3	
216	03.015	Ngô Thị Hồng Hạnh	Nữ	25/11/1997	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	76,0		76,0	
217	03.051	Đặng Thị Hồng Nhung	Nữ	05/9/1996	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	75,5		75,5	
218	03.001	Nguyễn Lý Minh An	Nữ	22/10/1993	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	74,8		74,8	
219	03.033	Lê Thị Lành	Nữ	24/9/1994	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	72,8		72,8	
220	03.053	Đỗ Thị Nở	Nữ	12/11/1995	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	71,0		71,0	
221	03.039	Huỳnh Thị Ly	Nữ	05/5/1993	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	70,8		70,8	
222	03.027	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	10/12/1994	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	70,3		70,3	
223	04.010	Lê Thị Ngọc Lệ	Nữ	04/10/1986	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	95,0		95,0	
224	04.017	Phạm Thị Nở	Nữ	23/6/1989	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	92,0		92,0	
225	05.004	Nguyễn Thị Kim Lành	Nữ	15/3/1994	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Mỹ thuật)	63,3		63,3	
226	05.005	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	09/11/1990	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Mỹ thuật)	61,8		61,8	
227	06.084	Phùng Phước Tuấn	Nam	16/8/1993	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	92,8		92,8	
228	06.007	Hoàng Văn Dân	Nam	01/01/1986	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	86,5	5	91,5	
229	06.037	Võ Quang Kin	Nam	08/11/1996	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	88,8		88,8	
230	06.043	Phạm Châu Lợi	Nam	01/01/1997	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	87,5		87,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
231	06.077	Bùi Thị Thu Thủy	Nữ	07/3/1992	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	86,8		86,8	
232	06.042	Lê Thị Kim Loan	Nữ	13/11/1996	UBND thành phố Hội An	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	86,0		86,0	
233	08.091	Lê Đức Mạnh	Nam	01/12/1993	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	90,0		90,0	
234	09.030	Trịnh Thị Hồng	Nữ	05/6/1993	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lí)	86,5		86,5	
235	09.157	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Nữ	06/8/1983	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lí)	80,5	5	85,5	
236	09.144	Nguyễn Viết Tú	Nam	20/8/1997	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lí)	78,5		78,5	
237	10.043	Nguyễn Hoàng Như Ngọc	Nữ	13/10/1997	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	83,0		83,0	
238	10.050	Lê Thị Bảo Quyên	Nữ	28/12/1994	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	79,3		79,3	
239	10.060	Võ Thị Thủy	Nữ	25/10/1996	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	78,5		78,5	
240	10.006	Võ Viết Đại	Nam	18/12/1997	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	78,0		78,0	
241	10.051	Nguyễn Hạ Quyên	Nữ	02/9/1995	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	77,5		77,5	
242	10.008	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	11/9/1995	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	76,0		76,0	
243	11.012	Huỳnh Thị Thúy Diễm	Nữ	20/10/1995	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	87,8		87,8	
244	11.106	Nguyễn Thị Phương Trinh	Nữ	07/9/1995	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	86,5		86,5	
245	11.027	Hà Thị Thu Hà	Nữ	19/02/1993	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	83,0		83,0	
246	11.082	Huỳnh Thị Thu Sa	Nữ	15/4/1995	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	83,0		83,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
247	11.061	Hồ Đắc Nghĩa	Nam	01/4/1997	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	80,0		80,0	
248	12.010	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	10/02/1998	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tin học)	59,5		59,5	
249	12.006	Trần Thị Thảo	Nữ	10/01/1990	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tin học)	79,5		79,5	
250	12.007	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	01/9/1992	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tin học)	50,5		50,5	
251	13.096	Trần Thị Tệ	Nữ	09/10/1999	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	77,1	5	82,1	
252	13.132	Nguyễn Thị Vy	Nữ	05/11/1989	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	81,5		81,5	
253	13.068	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	28/12/1997	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	77,3		77,3	
254	13.089	Tăng Thị Thảo Quyên	Nữ	11/5/1999	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	74,9		74,9	
255	13.026	Đào Thị Mỹ Hạnh	Nữ	16/3/1991	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	74,3		74,3	
256	13.103	Trần Thị Thảo	Nữ	05/8/1996	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	68,9		68,9	
257	13.028	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	11/11/1993	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	67,8		67,8	
258	13.050	Trương Kim Lên	Nam	21/8/1997	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	67,8		67,8	
259	13.120	Nguyễn Thị Kim Trinh	Nữ	10/12/1994	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	63,5		63,5	
260	13.099	Trần Thị Thanh Thanh	Nữ	10/10/1999	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	61,4		61,4	
261	13.076	Võ Thị Quỳnh Như	Nữ	22/10/1997	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	58,8		58,8	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
262	13.092	Phan Thế Sinh	Nam	21/11/1987	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	57,4		57,4	
263	13.012	Lê Thị Diễm	Nữ	23/11/1991	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	52,3	5	57,3	
264	13.029	Đặng Thị Đức Hậu	Nữ	15/7/2000	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	53,6		53,6	
265	14.042	Vũ Thị Quyên	Nữ	10/3/1993	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	79,3		79,3	
266	14.023	Huỳnh Thị Lý	Nữ	02/5/1996	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	79,0		79,0	
267	14.040	Huỳnh Thị Quyên	Nữ	13/8/1995	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	78,8		78,8	
268	14.061	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	20/01/1993	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	76,5		76,5	
269	15.035	Trần Thị Nhung	Nữ	17/9/1999	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	73,8		73,8	
270	15.014	Vũ Thị Thanh Hằng	Nữ	20/4/1996	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	73,0		73,0	
271	15.019	Nguyễn Thị Thúy Hương	Nữ	05/5/1999	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	72,3		72,3	
272	15.010	Văn Thanh Duy	Nam	30/10/1996	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	71,0		71,0	
273	15.005	Nguyễn Chiến	Nam	26/8/1992	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	65,5	5	70,5	
274	15.031	Lê Thị Nghiêm	Nữ	03/10/1993	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	69,0		69,0	
275	15.065	Doãn Thị Tý	Nữ	16/10/1999	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	58,0	5	63,0	
276	16.012	Trương Thị Thu Sang	Nữ	09/11/1999	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tiếng Anh)	82,0		82,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
277	16.003	Phan Hoàng Diệu	Nữ	23/8/1998	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tiếng Anh)	75,0		75,0	
278	17.037	Lê Quang Sang	Nam	12/9/1995	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	84,0	2,5	86,5	
279	17.008	Nguyễn Quốc Dũng	Nam	27/01/1994	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	76,5		76,5	
280	17.024	Võ Hoài Nam	Nam	12/02/1997	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	74,5		74,5	
281	17.034	Lê Viết Phước	Nam	02/5/1999	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	71,5		71,5	
282	17.014	Trần Minh Khôi	Nam	29/3/1997	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	68,3		68,3	
283	17.038	Nguyễn Trường Sanh	Nam	27/11/1990	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	67,5		67,5	
284	18.004	Võ Thị Ngọc Diễm	Nữ	25/7/1998	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn GD&ĐT)	82,5		82,5	
285	18.022	Nguyễn Thị Lệ	Nữ	08/8/1995	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn GD&ĐT)	80,3		80,3	
286	18.040	Alăng Thị Thủy	Nữ	27/11/1999	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn GD&ĐT)	66,7	5	71,7	
287	18.042	Alăng Trọng	Nam	16/02/1998	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn GD&ĐT)	56,8	5	61,8	
288	18.037	Hồ Thị Tâm	Nữ	03/02/1997	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn GD&ĐT)	55,4	5	60,4	
289	19.005	Nguyễn Hữu Vinh	Nam	30/7/1996	UBND thành phố Hội An	Giáo viên THCS hạng III (Môn Mỹ thuật)	64,0		64,0	
290	24.013	Lý Tú Châu	Nữ	24/8/1983	UBND thành phố Hội An	Kế toán viên trung cấp	75,6		75,6	
291	24.059	Lâm Bích Luyện	Nữ	08/7/1993	UBND thành phố Hội An	Kế toán viên trung cấp	67,9		67,9	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
292	24.026	Võ Thị Bích Hà	Nữ	01/12/1991	UBND thành phố Hội An	Kế toán viên trung cấp	65,3		65,3	
293	26.068	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	05/02/1989	UBND thành phố Hội An	Văn thư viên trung cấp	99,0		99,0	
294	27.022	Nguyễn Thị Kim Huyền	Nữ	18/3/1996	UBND thành phố Hội An	Y sĩ hạng IV	60,8		60,8	
295	01.068	Trần Thị Mỹ Linh	Nữ	29/9/1996	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên Mầm non hạng III	88,3		88,3	
296	01.049	Nguyễn Thị Hương	Nữ	04/4/1992	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên Mầm non hạng III	74,5		74,5	
297	01.029	Nguyễn Thị Hải	Nữ	01/7/2000	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên Mầm non hạng III	70,3		70,3	
298	02.165	Lê Thị Nguyên Tín	Nữ	17/7/1989	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên Tiểu học hạng III	95,3		95,3	
299	02.150	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	14/12/1994	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên Tiểu học hạng III	95,0		95,0	
300	02.110	Hoàng Nguyễn Như Nguyễn	Nữ	25/01/1992	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên Tiểu học hạng III	88,8		88,8	
301	02.197	Trần Thị Thúy Vỹ	Nữ	10/10/1997	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên Tiểu học hạng III	79,5		79,5	
302	02.093	Đinh Thị Minh	Nữ	02/5/1990	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên Tiểu học hạng III	74,3	5	79,3	
303	02.068	Hồ Thị Kim	Nữ	05/02/2000	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên Tiểu học hạng III	67,3	5	72,3	
304	02.140	Hồ Thị Thanh Thảo	Nữ	22/9/1999	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên Tiểu học hạng III	62,5	5	67,5	
305	06.011	Phan Văn Đạt	Nam	02/8/1996	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	93,0		93,0	
306	08.008	Phan Ngọc Bích	Nữ	02/10/1994	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	76,3		76,3	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
307	08.130	Bùi Quốc Tài	Nam	02/08/1997	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	70,5		70,5	
308	08.019	Phạm Thị Anh Diệp	Nữ	08/01/1996	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	70,0		70,0	
309	08.007	Huỳnh Vũ Ngọc Ánh	Nữ	01/5/1997	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	67,0		67,0	
310	11.080	Lưu Thị Hoàng Quyên	Nữ	17/01/1996	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	56,0		56,0	
311	12.008	Đoàn Thị Thanh Thúy	Nữ	01/01/1989	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tin học)	62,5		62,5	
312	13.019	Võ Thị Duyên	Nữ	20/02/1991	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	80,3		80,3	
313	13.122	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	10/8/1992	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	71,8		71,8	
314	13.046	Trần Thị Kim Khuyên	Nữ	20/4/1990	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	65,1		65,1	
315	15.050	Brao Sự	Nữ	18/7/1996	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	82,5	5	87,5	
316	15.036	Lê Hà Quỳnh Như	Nữ	07/6/1983	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	86,0		86,0	
317	17.023	A lăng Nam	Nam	20/11/1994	UBND huyện Hiệp Đức	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	66,5	5	71,5	
318	23.024	Trần Thị Phương	Nữ	16/9/1993	UBND huyện Hiệp Đức	Kế toán viên	70,8		70,8	
319	25.014	Đoàn Thị Mỹ Trinh	Nữ	10/4/1982	UBND huyện Hiệp Đức	Văn thư viên	83,3		83,3	
320	25.006	Huỳnh Thị Ánh Nguyệt	Nữ	19/5/1982	UBND huyện Hiệp Đức	Văn thư viên	78,0	5	83,0	
321	25.010	Huỳnh Nguyễn Việt Phương	Nam	01/02/1988	UBND huyện Hiệp Đức	Văn thư viên	80,0		80,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
322	25.013	Huỳnh Thị Thủy	Nữ	08/7/1990	UBND huyện Hiệp Đức	Văn thư viên	77,8		77,8	
323	26.090	Mai Thị Vũ	Nữ	28/4/1983	UBND huyện Hiệp Đức	Văn thư viên trung cấp	99,5	5	104,5	
324	26.042	Mai Thị Nga	Nữ	05/3/1986	UBND huyện Hiệp Đức	Văn thư viên trung cấp	95,8		95,8	
325	26.043	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	15/8/1978	UBND huyện Hiệp Đức	Văn thư viên trung cấp	92,0		92,0	
326	28.002	Phan Thị Phượng	Nữ	05/3/1986	UBND huyện Hiệp Đức	Thư viện viên hạng III	79,5		79,5	
327	28.003	Phan Thúy Hạnh Trang	Nữ	05/8/1988	UBND huyện Hiệp Đức	Thư viện viên hạng III	69,0		69,0	
328	29.024	Nguyễn Thị Ly Na	Nữ	21/9/1986	UBND huyện Hiệp Đức	Thư viện viên hạng IV	53,8		53,8	
329	31.029	Trương Thị Thanh Tuyền	Nữ	26/02/1996	UBND huyện Hiệp Đức	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	72,0		72,0	
330	01.112	Hiên Thị Sen	Nữ	16/10/2000	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	83,5	5	88,5	
331	01.132	Phơ Loong Thị Thơ	Nữ	15/12/2000	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	82,0	5	87,0	
332	01.023	A Viết Đào	Nữ	23/02/1998	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	77,8	5	82,8	
333	01.055	Hiên Thị Lạn	Nữ	20/10/1991	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	77,5	5	82,5	
334	01.073	Nguyễn Cẩm Ly	Nữ	29/02/2000	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	82,0		82,0	
335	01.162	Tơ Ngô Truyền	Nữ	18/6/1996	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	75,0	5	80,0	
336	01.034	Phạm Thị Hằng	Nữ	18/01/2000	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	70,3	5	75,3	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
337	02.009	Hiền Thị Minh Châu	Nữ	12/8/2000	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	90,3	5	95,3	
338	02.133	Hiền Sự	Nam	05/4/1997	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	87,5	5	92,5	
339	02.131	Zơ Râm Soạn	Nam	26/7/1996	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	87,3	5	92,3	
340	02.139	Hiền Tha	Nam	18/01/2000	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	86,9	5	91,9	
341	02.008	Pơ Loong Bồi	Nữ	05/6/1992	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	84,8	5	89,8	
342	02.171	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	01/01/1994	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	88,1		88,1	
343	02.031	Coor Hạ	Nữ	15/12/1998	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	80,0	5	85,0	
344	02.174	A Lăng Trí	Nam	30/5/1997	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	78,5	5	83,5	
345	03.023	Dương Thị Mai Hòa	Nữ	31/10/1997	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	75,5		75,5	
346	06.036	Zơ Râm Khôn	Nam	20/01/1997	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	85,0	5	90,0	
347	08.171	Tơ Ngól Vung	Nam	12/3/1993	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	50,5	5	55,5	
348	09.070	Trương Thanh Nam	Nam	20/4/1999	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lí)	70,0		70,0	
349	09.147	A Lăng Tươi	Nữ	19/11/1995	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lí)	63,5	5	68,5	
350	09.128	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nữ	01/01/1997	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lí)	63,5		63,5	
351	09.056	Nguyễn Thị Linh	Nữ	06/3/1998	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lí)	63,3		63,3	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
352	11.017	Alăng Thị Dôn	Nữ	16/7/1997	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	94,3	5	99,3	
353	11.018	Phạm Thị Dung	Nữ	20/10/1993	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	84,3		84,3	
354	12.009	A Rất	Nam	23/12/1990	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tin học)	50,0	5	55,0	
355	15.056	Chơ Rưm	Nữ	11/3/1997	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	84,0	5	89,0	
356	16.018	Hoàng Thị Thương	Nữ	04/4/1999	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tiếng Anh)	82,0	5	87,0	
357	16.001	Tơ Ngól	Nữ	08/3/1996	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tiếng Anh)	63,5	5	68,5	
358	18.041	Tơ Ngól	Nữ	26/3/1999	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn GD&ĐT)	81,7	5	86,7	
359	18.012	Bờ Nưóc	Nữ	20/10/1998	UBND huyện Nam Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn GD&ĐT)	68,7	5	73,7	
360	23.001	Đồ Thị Phương Anh	Nữ	31/10/1999	UBND huyện Nam Giang	Kế toán viên	72,1		72,1	
361	24.088	Nguyễn Thạch Thảo	Nữ	15/10/1995	UBND huyện Nam Giang	Kế toán viên trung cấp	80,8		80,8	
362	25.008	Zơ Râm	Nữ	24/8/1998	UBND huyện Nam Giang	Văn thư viên	93,5	5	98,5	
363	26.086	A Lăng Thị Ươm	Nữ	29/4/1993	UBND huyện Nam Giang	Văn thư viên trung cấp	99,5	5	104,5	
364	26.077	A Lăng	Nữ	21/6/1990	UBND huyện Nam Giang	Văn thư viên trung cấp	99,0	5	104,0	
365	26.018	Bơ Nưóch	Nữ	11/3/1993	UBND huyện Nam Giang	Văn thư viên trung cấp	98,5	5	103,5	
366	26.056	Đinh Thị Phượng	Nữ	03/5/1991	UBND huyện Nam Giang	Văn thư viên trung cấp	96,0	5	101,0	

TT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
367	29.001	B Nướch Thái	Bin	Nam	10/8/1990	UBND huyện Nam Giang	Thư viện viên hạng IV	69,0	5	74,0	
368	29.023	Coor Thị	Mơ	Nữ	20/11/1992	UBND huyện Nam Giang	Thư viện viên hạng IV	55,0	5	60,0	
369	01.060	Đặng Thị Kim	Liên	Nữ	06/01/1992	UBND huyện Nông Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	71,5	5	76,5	
370	02.042	Huỳnh Thị Diệu	Hân	Nữ	10/02/1998	UBND huyện Nông Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	87,8		87,8	
371	02.157	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	09/8/1997	UBND huyện Nông Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	81,1		81,1	
372	02.154	Trần Thị Xuân	Thùy	Nữ	19/5/1998	UBND huyện Nông Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	77,8		77,8	
373	02.107	Cơ Lâu Thị	Nghim	Nữ	25/3/1991	UBND huyện Nông Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	71,3	5	76,3	
374	03.070	Tăng Thị	Thúy	Nữ	02/11/1993	UBND huyện Nông Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	74,0		74,0	
375	03.067	Hoàng Thị Diễm	Thu	Nữ	01/8/1994	UBND huyện Nông Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	72,5		72,5	
376	03.007	Trương Thị	Diệp	Nữ	28/9/1993	UBND huyện Nông Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	68,8		68,8	
377	03.066	Hà Thị Thanh	Thu	Nữ	22/11/1992	UBND huyện Nông Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	50,5	5	55,5	
378	29.009	Trình Thị Mỹ	Hiền	Nữ	04/8/1989	UBND huyện Nông Sơn	Thư viện viên hạng IV	83,8		83,8	
379	01.169	Trần Hạ	Vỹ	Nữ	26/4/1998	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Mầm non hạng III	92,5		92,5	
380	01.075	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	08/9/1999	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Mầm non hạng III	86,0		86,0	
381	01.063	Bùi Thị	Linh	Nữ	09/5/1998	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Mầm non hạng III	85,0		85,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
382	01.119	Bùi Thị Thu Thảo	Nữ	25/8/1999	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Mầm non hạng III	84,8		84,8	
383	01.124	Lê Thị Thanh Thảo	Nữ	16/02/1999	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Mầm non hạng III	81,3		81,3	
384	01.149	Trần Thị Tính	Nữ	21/8/1999	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Mầm non hạng III	80,0		80,0	
385	01.067	Nguyễn Thị Ly Linh	Nữ	23/12/1998	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Mầm non hạng III	79,8		79,8	
386	02.106	Trương Thị Thanh Ngân	Nữ	20/11/1992	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	96,7		96,7	
387	02.182	Ngô Mỹ Uyên	Nữ	16/5/2000	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	94,5		94,5	
388	02.051	Đoàn Thị Hoàng Hiếu	Nữ	09/3/1993	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	93,5		93,5	
389	02.034	Ngô Thụy Hồng Hàng	Nữ	07/8/1997	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	92,5		92,5	
390	02.052	Võ Thị Hoa	Nữ	05/9/1995	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	91,6		91,6	
391	02.004	Nguyễn Thị Như Ánh	Nữ	21/6/1993	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	89,5		89,5	
392	02.192	Ung Thị Tường Vi	Nữ	10/02/1995	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	89,0		89,0	
393	02.002	Lương Thị Kim Anh	Nữ	01/01/1997	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	88,0		88,0	
394	02.137	Nguyễn Ngọc Tân	Nam	03/9/1991	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	88,0		88,0	
395	02.063	Nguyễn Thị Đình Hương	Nữ	16/6/1992	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	87,3		87,3	
396	02.037	Hoàng Thị Thúy Hằng	Nữ	25/5/1998	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	86,5		86,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
397	02.142	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	30/7/1997	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	85,3		85,3	
398	02.170	Bùi Thị Tố Trang	Nữ	01/02/1995	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	83,9		83,9	
399	02.180	Nguyễn Thị Tý	Nữ	02/10/1996	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	83,0		83,0	
400	02.169	Phạm Thị Mai Trà	Nữ	11/4/1993	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	82,6		82,6	
401	02.058	Cao Thị Kim Huệ	Nữ	21/9/1991	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	78,8		78,8	
402	02.070	Trần Thị Kỳ	Nữ	30/8/1997	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	73,5		73,5	
403	02.098	Bùi Thị Hoàng My	Nữ	15/5/1991	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III	64,4		64,4	
404	03.038	Huỳnh Thị Nhật Lư	Nữ	27/02/1996	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	79,8		79,8	
405	03.080	Trần Thị Thu Trâm	Nữ	04/6/1999	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	79,5		79,5	
406	03.045	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	Nữ	20/12/1992	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	69,5		69,5	
407	04.018	Hoàng Thị Kiều Oanh	Nữ	05/4/1987	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	84,0		84,0	
408	05.006	Đỗ Thị Hoàng Oanh	Nữ	11/8/1995	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Mỹ thuật)	74,0		74,0	
409	05.003	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	27/10/1990	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Mỹ thuật)	52,0		52,0	
410	06.050	Đồng Thị Nhân	Nữ	06/6/1990	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	91,0		91,0	
411	06.020	Đoàn Đào Minh Hiếu	Nam	04/01/1999	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	86,0		86,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
412	06.068	Trần Văn Son	Nam	11/10/1993	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	81,8		81,8	
413	06.069	Phạm Nghệ Sỹ	Nam	11/12/1995	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	79,3		79,3	
414	06.044	Nguyễn Thị Hoàng Lý	Nữ	12/7/1989	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	76,5		76,5	
415	07.004	Bùi Minh Tuấn	Nam	13/5/1996	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Âm nhạc)	72,5		72,5	
416	09.032	Lương Thu Huyền	Nữ	17/9/1997	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lí)	91,5		91,5	
417	09.028	Võ Thị Tuyết Hoa	Nữ	08/6/1998	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lí)	80,3		80,3	
418	09.095	Trần Thị Sang	Nữ	09/9/1990	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lí)	76,5		76,5	
419	10.072	Trần Thị Yến Vi	Nữ	26/9/1994	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	90,0		90,0	
420	10.001	Hồ Thị Trâm Anh	Nữ	10/9/1989	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	76,0		76,0	
421	11.052	Hồ Thị Lưu	Nữ	22/7/1993	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	89,0		89,0	
422	11.046	Lê Thị Mỹ Lệ	Nữ	20/5/1995	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	88,3		88,3	
423	11.118	Dương Thị Vi	Nữ	29/01/1993	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	87,5		87,5	
424	13.023	Trần Vũ Nhi Fa	Nữ	18/02/1991	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	76,8		76,8	
425	13.020	Mai Thùy Dương	Nữ	16/02/1997	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	70,8		70,8	
426	13.047	Trần Thị Ngọc Lan	Nữ	20/4/1984	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	68,3		68,3	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
427	13.110	Nguyễn Thị Thôi	Nữ	11/02/1992	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	61,6		61,6	
428	14.032	Bùi Thị Nhân	Nữ	14/8/1997	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	81,5		81,5	
429	14.058	Phan Thị Vân	Nữ	14/8/1995	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	80,3		80,3	
430	15.029	Dương Thị Hà My	Nữ	07/4/1997	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	91,5		91,5	
431	15.063	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	03/3/1992	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	91,0		91,0	
432	15.060	Nguyễn Thị Thanh Triều	Nữ	05/9/1996	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	87,5		87,5	
433	15.062	Lê Thị Tuyền	Nữ	10/4/1991	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	83,0		83,0	
434	15.061	Nguyễn Trường Trung	Nam	20/4/1998	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	81,5		81,5	
435	17.004	Phan Văn Chương	Nam	22/02/1997	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	73,0		73,0	
436	17.005	Nguyễn Văn Cường	Nam	15/3/1990	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	68,0		68,0	
437	17.040	Đặng Văn Tân	Nam	20/10/1989	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	60,5		60,5	
438	18.050	Nguyễn Thị Yển	Nữ	10/02/1995	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn GD&ĐT)	69,2		69,2	
439	18.017	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	12/8/1984	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn GD&ĐT)	56,3		56,3	
440	20.003	Doãn Thị Ngọc Diễm	Nữ	16/7/1999	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Âm nhạc)	82,5		82,5	
441	20.005	Phạm Ngọc Phương Linh	Nữ	04/12/1999	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Âm nhạc)	78,5		78,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
442	20.001	Phạm Văn Bồn	Nam	20/9/1979	UBND huyện Núi Thành	Giáo viên THCS hạng III (Môn Âm nhạc)	51,0	5	56,0	
443	24.015	Võ Thị Đan	Nữ	10/01/1992	UBND huyện Núi Thành	Kế toán viên trung cấp	76,0		76,0	
444	01.156	Trương Thị Thùy Trang	Nữ	15/5/1996	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Mầm non hạng III	87,5		87,5	
445	01.033	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	01/4/1993	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Mầm non hạng III	86,8		86,8	
446	01.018	Trần Thị Thu Dung	Nữ	08/8/1999	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Mầm non hạng III	85,8		85,8	
447	01.148	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nữ	25/6/1999	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Mầm non hạng III	83,5		83,5	
448	01.096	Nguyễn Thị Hoài Nhi	Nữ	17/8/2000	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Mầm non hạng III	78,8		78,8	
449	01.053	Võ Thị Thu Lam	Nữ	20/10/1997	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Mầm non hạng III	78,5		78,5	
450	01.158	Nguyễn Ngọc Huyền Trâm	Nữ	26/9/2000	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Mầm non hạng III	78,0		78,0	
451	02.041	Phan Thị Hằng	Nữ	28/08/1997	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III	97,5		97,5	
452	02.017	Đỗ Thị Thùy Dung	Nữ	12/10/1995	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III	90,3	5	95,3	
453	02.123	Phan Thị Phú	Nữ	02/02/1993	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III	93,5		93,5	
454	02.134	Lê Thị Strong	Nữ	10/3/1990	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III	87,8	5	92,8	
455	02.003	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	23/02/1992	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III	92,1		92,1	
456	02.195	Bùi Thị Thảo Vy	Nữ	01/11/1990	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III	91,3		91,3	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
457	02.166	Nguyễn Văn Tính	Nam	13/11/1993	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III	90,3		90,3	
458	02.103	Trần Thị Ngà	Nữ	16/7/1997	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III	85,3		85,3	
459	02.172	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	08/4/1993	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III	84,4		84,4	
460	02.160	Nguyễn Thị Thư	Nữ	17/7/1999	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III	78,0		78,0	
461	02.055	Hồ Thị Hồng	Nữ	14/9/1999	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III	70,6	5	75,6	
462	02.163	Trần Thị Tiền	Nữ	10/10/1985	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III	70,9		70,9	
463	02.018	Nguyễn Đại Duy	Nam	04/5/1997	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III	68,1		68,1	
464	02.185	Đào Mỹ Vân	Nữ	04/12/1997	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III	67,0		67,0	
465	06.086	Nguyễn Như Ý	Nam	26/02/1990	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	93,0		93,0	
466	10.036	Nguyễn Thị Thiên Nga	Nữ	08/4/1992	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	72,0		72,0	
467	11.101	Huỳnh Thị Trang	Nữ	22/11/1994	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	88,5		88,5	
468	11.099	Lê Thị Kim Tiến	Nữ	15/3/1995	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	87,5		87,5	
469	13.049	Đoàn Thị Xuân Lệ	Nữ	16/5/1992	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	61,4		61,4	
470	14.037	Lê Thị Kiều Oanh	Nữ	17/11/1994	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	84,7		84,7	
471	17.025	Nguyễn Bá Nghĩa	Nam	17/5/1996	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	73,5		73,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
472	19.002	Trần Hoàng Khánh Huyền	Nữ	10/5/1995	UBND huyện Phú Ninh	Giáo viên THCS hạng III (Môn Mỹ thuật)	71,0		71,0	
473	31.014	Võ Thị Loan	Nữ	10/3/1991	UBND huyện Phú Ninh	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	82,0		82,0	
474	31.030	Trương Thị Mai Tư	Nữ	08/8/1994	UBND huyện Phú Ninh	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	78,0		78,0	
475	01.046	Phạm Thị Hồng	Nữ	17/4/2000	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	75,3	5	80,3	
476	01.139	Phan Thị Thanh Thuận	Nữ	13/01/1996	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	75,0		75,0	
477	01.145	Y Thuyền	Nữ	17/9/2001	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	63,0	5	68,0	
478	01.155	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	25/02/2000	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	68,0		68,0	
479	01.002	Nguyễn Thị Thái An	Nữ	01/01/1982	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	66,8		66,8	
480	01.131	Ka Thôm	Nữ	06/3/1995	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	56,3	5	61,3	
481	01.027	Trần Thị Hà	Nữ	19/11/1983	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	53,0		53,0	
482	02.066	Đinh Thị Khuyên	Nữ	08/11/1998	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	84,3	5	89,3	
483	02.035	Hồ Thị Hạnh	Nữ	13/8/2000	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	77,3	5	82,3	
484	02.113	Hồ Thị Nhân	Nữ	06/7/1997	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	77,0	5	82,0	
485	02.105	Hồ Thị Ngân	Nữ	02/4/1999	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	75,9	5	80,9	
486	04.026	Nguyễn Hữu Vũ	Nam	22/3/1991	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	94,5		94,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
487	04.001	Nguyễn Văn Danh	Nam	09/3/1990	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	52,0		52,0	
488	06.041	Hồ Thị Thùy Loan	Nữ	21/11/1998	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	82,0	5	87,0	
489	07.003	Nguyễn Thị Uyên Phương	Nữ	20/8/1992	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Âm nhạc)	90,0		90,0	
490	08.048	ALăng Hiếu	Nữ	14/3/1995	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	68,0	5	73,0	
491	08.125	Huỳnh Phú Quốc	Nam	15/7/1993	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	73,0		73,0	
492	09.093	Trần Văn Ry	Nam	26/3/1993	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lí)	82,0		82,0	
493	09.075	Hà Thị Hồng Nhàng	Nữ	19/01/1993	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lí)	80,0		80,0	
494	11.033	Hồ Thị Hoa Hậu	Nữ	20/7/1993	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	84,0	5	89,0	
495	11.026	Hiên Guom	Nam	20/7/1995	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	78,0	5	83,0	
496	11.095	Hồ Thị Mỹ Thuận	Nữ	16/5/1998	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	56,3	5	61,3	
497	13.075	Nguyễn Văn Nhân	Nam	27/12/1995	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	61,9		61,9	
498	13.045	Tơ Ngôl Khoan	Nữ	22/7/1994	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	54,0	5	59,0	
499	13.085	La Thị Phương	Nữ	06/8/1995	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	52,0	5	57,0	
500	13.009	ALăng Thị Croi	Nữ	27/01/1995	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	50,8	5	55,8	
501	13.074	Lê Thị Thanh Nhàn	Nữ	02/4/1985	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	52,3		52,3	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
502	14.008	Zơ Râm Hát	Nữ	06/02/1991	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	73,0	5	78,0	
503	14.005	Tơ Ngôl Đào	Nữ	20/3/1994	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	72,7	5	77,7	
504	15.003	Pơ Loong Thị Bích	Nữ	19/3/1998	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	80,0	5	85,0	
505	17.046	Trần Ngọc Tín	Nam	24/9/1989	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	80,0		80,0	
506	20.006	Trần Thanh Phương	Nữ	15/12/1994	UBND huyện Phước Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Âm nhạc)	79,0		79,0	
507	23.003	Lê Thị Chi	Nữ	12/02/1992	UBND huyện Phước Sơn	Kế toán viên	73,7		73,7	
508	23.011	Đinh Thị Hoa	Nữ	02/9/1989	UBND huyện Phước Sơn	Kế toán viên	58,7		58,7	
509	23.009	Hồ Thị Hậu	Nữ	05/9/1987	UBND huyện Phước Sơn	Kế toán viên	50,3		50,3	
510	26.039	Đặng Thị Thanh Loan	Nữ	18/11/1992	UBND huyện Phước Sơn	Văn thư viên trung cấp	83,0	5	88,0	
511	27.033	Zơ Râm Ngợi	Nữ	22/02/1994	UBND huyện Phước Sơn	Y sĩ hạng IV	69,5	5	74,5	
512	31.009	Arâl Thị Huân	Nữ	12/02/1998	UBND huyện Phước Sơn	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	65,0	5	70,0	
513	01.150	Nguyễn Thị Tình	Nữ	13/6/1995	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	86,0		86,0	
514	01.031	Hà Thị Thúy Hằng	Nữ	23/3/2000	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	83,8		83,8	
515	01.147	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	01/01/1997	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	83,8		83,8	
516	01.062	Bùi Nguyễn Hiền Linh	Nữ	16/02/1996	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	82,3		82,3	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
517	01.039	Lưu Thị Hiếu	Nữ	18/4/1997	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	80,3		80,3	
518	01.022	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	20/5/1998	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	79,8		79,8	
519	01.091	Vũ Thị Nguyên	Nữ	12/6/1998	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	68,5		68,5	
520	01.170	Lê Thị Xuân	Nữ	06/12/1992	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	66,0		66,0	
521	01.154	Huỳnh Thị Thu Trang	Nữ	01/01/1998	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Mầm non hạng III	59,0		59,0	
522	02.136	Trần Thị Thanh Tâm	Nữ	25/02/1996	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	97,6	5	102,6	
523	02.092	Trần Thị Mật	Nữ	06/02/1992	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	87,5	5	92,5	
524	02.111	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nữ	11/4/1996	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	92,0		92,0	
525	02.191	Nguyễn Thị Tường Vi	Nữ	11/02/1997	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	90,5		90,5	
526	02.147	Nguyễn Thị Diệu Thu	Nữ	01/01/1991	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	84,3	5	89,3	
527	02.184	Dương Thị Thúy Vân	Nữ	15/9/1988	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	86,0		86,0	
528	02.177	Trần Thị Nhật Trinh	Nữ	25/9/1990	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	79,1		79,1	
529	02.175	Huỳnh Ngọc Kầm Trinh	Nữ	14/7/1992	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	78,6		78,6	
530	02.056	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	24/4/1993	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III	72,0		72,0	
531	04.012	Võ Thị Hoài Linh	Nữ	15/6/1996	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	96,5		96,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
532	04.021	Huỳnh Thị Minh Trí	Nữ	09/3/1989	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	96,0		96,0	
533	04.011	Trương Thị Liên	Nữ	01/4/1990	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	94,5		94,5	
534	06.032	Phạm Kim Hữu	Nam	07/5/1991	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	86,0		86,0	
535	11.098	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	Nữ	22/7/1996	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	90,7		90,7	
536	11.054	Mai Thị Trúc Ly	Nữ	16/5/1997	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	74,3		74,3	
537	14.055	Đặng Thị Tuyết	Nữ	08/8/1996	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	93,0		93,0	
538	15.013	Võ Thị Thu Hà	Nữ	15/9/1998	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	65,5		65,5	
539	17.021	Đỗ Văn Lợi	Nam	28/02/1993	UBND huyện Quế Sơn	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	66,5		66,5	
540	29.002	Cao Thị Y Den	Nữ	21/6/1992	UBND huyện Quế Sơn	Thư viện viên hạng IV	66,0		66,0	
541	01.130	Avô Thị Thoả	Nữ	02/02/1999	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	78,3	5	83,3	
542	01.008	Coor Thị Cam	Nữ	09/5/1999	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	73,5	5	78,5	
543	01.120	Colâu Thị Thảo	Nữ	14/7/1997	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	70,0	5	75,0	
544	01.115	Alăng Thị Sửu	Nữ	18/9/1998	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	62,5	5	67,5	
545	01.006	Zorâm Thị Apôi	Nữ	18/11/1999	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Mầm non hạng III	60,8	5	65,8	
546	02.130	Poloong Thị Rai	Nữ	29/10/2000	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	84,4	5	89,4	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
547	02.028	Ating Gioong	Nam	01/01/1999	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	82,5	5	87,5	
548	02.077	Briu Thị Lệ	Nữ	31/01/1999	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	81,0	5	86,0	
549	02.097	Bnướch Thị Mooih	Nữ	01/3/1997	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	76,3	5	81,3	
550	02.012	Coor Thị Chợ	Nữ	03/10/1998	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	73,4	5	78,4	
551	02.095	Bling Miu	Nam	02/5/1999	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	73,3	5	78,3	
552	02.033	Bhnướch Thị Hái	Nữ	14/10/1999	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	67,3	5	72,3	
553	02.164	Poloong Tiểu	Nam	04/5/1998	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III	66,3	5	71,3	
554	04.016	Alăng Nhiều	Nam	20/12/2000	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	81,5	5	86,5	
555	05.001	Alăng Bần	Nam	20/4/1991	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Mỹ thuật)	82,5	5	87,5	
556	06.065	Bling Rơ	Nam	25/5/1990	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	80,9	5	85,9	
557	08.156	Nguyễn Trần Huyền Trang	Nữ	21/5/1997	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	69,5		69,5	
558	08.036	Bùi Thị Mỹ Hạnh	Nữ	30/12/1992	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	65,8		65,8	
559	08.072	Tangon Liên	Nam	08/10/1994	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	50,0	5	55,0	
560	09.137	Đỗ Thị Ánh Trinh	Nữ	01/01/1991	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lý)	61,5		61,5	
561	11.001	Riah Thị An	Nữ	10/10/1998	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	82,0	5	87,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
562	11.036	Hóih Hon	Nam	01/01/1996	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	82,0	5	87,0	
563	13.082	Poloong Thị Phan	Nữ	29/01/2000	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	59,0	5	64,0	
564	18.038	Bnướch Thị Thái	Nữ	04/9/1997	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn GDCD)	82,3	5	87,3	
565	19.001	Arân Thị Cha	Nữ	04/7/1992	UBND huyện Tây Giang	Giáo viên THCS hạng III (Môn Mỹ thuật)	53,5	5	58,5	
566	24.048	Colâu Thị Lan	Nữ	03/4/1990	UBND huyện Tây Giang	Kế toán viên trung cấp	74,3	5	79,3	
567	24.012	Bling Brêm	Nữ	11/12/1996	UBND huyện Tây Giang	Kế toán viên trung cấp	51,5	5	56,5	
568	24.020	Arâl Thị Đa	Nữ	20/8/1990	UBND huyện Tây Giang	Kế toán viên trung cấp	51,3	5	56,3	
569	26.091	Bnướch Thị Vương	Nữ	07/4/1990	UBND huyện Tây Giang	Văn thư viên trung cấp	78,3	5	83,3	
570	26.007	Blúp Thị Châu	Nữ	12/9/1998	UBND huyện Tây Giang	Văn thư viên trung cấp	61,8	5	66,8	
571	27.050	Tangôn Thiết	Nam	10/4/1990	UBND huyện Tây Giang	Y sĩ hạng IV	91,5	5	96,5	
572	27.032	Poloong Thị Nghêr	Nữ	05/5/1988	UBND huyện Tây Giang	Y sĩ hạng IV	90,5	5	95,5	
573	27.002	Alăng Bè	Nam	10/4/1989	UBND huyện Tây Giang	Y sĩ hạng IV	88,0	5	93,0	
574	27.055	Arâl Zí	Nữ	10/6/1991	UBND huyện Tây Giang	Y sĩ hạng IV	76,3	5	81,3	
575	01.071	Nguyễn Thị Hồng Loan	Nữ	30/12/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	88,5		88,5	
576	01.064	Dương Thị Diệu Linh	Nữ	06/9/1998	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	88,0		88,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
577	01.113	Mai Thị Thu Strong	Nữ	13/6/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	88,0		88,0	
578	01.045	Nguyễn Thị Bích Hồng	Nữ	29/4/1995	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	87,5		87,5	
579	01.065	Lê Thị Linh	Nữ	29/01/1998	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	87,3		87,3	
580	01.074	Thái Thị Khánh Ly	Nữ	05/5/2000	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	86,3		86,3	
581	01.102	Nguyễn Thị Thanh Phương	Nữ	02/4/1997	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	85,9		85,9	
582	01.083	Ngô Thị Thúy Nga	Nữ	22/5/1996	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	85,0		85,0	
583	01.030	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Nữ	28/5/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	81,5		81,5	
584	01.036	Nguyễn Thị Thanh Hậu	Nữ	19/8/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	81,5		81,5	
585	01.090	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ	08/11/1997	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	80,5		80,5	
586	01.012	Trần Thị Kim Cúc	Nữ	20/02/2000	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	80,0		80,0	
587	01.174	Trần Thị Yển	Nữ	10/6/1998	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	79,3		79,3	
588	01.159	Diệp Tú Trinh	Nữ	23/12/1993	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	79,0		79,0	
589	01.076	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	08/3/1998	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	78,8		78,8	
590	01.037	Mai Thị Hiền	Nữ	12/4/1997	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	77,5		77,5	
591	01.079	Trần Thị Hoàng Minh	Nữ	22/3/1989	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	72,5	5	77,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
592	01.080	Nguyễn Thị Na	Nữ	11/01/1997	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	77,5		77,5	
593	01.042	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	08/01/1991	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	76,0		76,0	
594	01.052	Trịnh Thị Lài	Nữ	22/5/1998	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	75,8		75,8	
595	01.144	Trần Thị Thùy	Nữ	17/01/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	75,5		75,5	
596	01.097	Huỳnh Thị Quỳnh Như	Nữ	19/01/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	74,3		74,3	
597	01.070	Võ Thị Mỹ Linh	Nữ	02/3/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	74,0		74,0	
598	01.163	Mai Thị Tuyền	Nữ	16/8/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	73,8		73,8	
599	01.100	Huỳnh Thị Yến Phi	Nữ	01/8/1995	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	73,0		73,0	
600	01.094	Lâm Thị Ái Nhi	Nữ	02/02/1996	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	72,3		72,3	
601	01.128	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	02/8/1994	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	71,3		71,3	
602	01.040	Phạm Thị Hiếu	Nữ	04/02/1997	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	70,8		70,8	
603	01.044	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	09/3/1993	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	70,8		70,8	
604	01.059	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Nữ	15/6/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	70,5		70,5	
605	01.072	Mạch Thị Lộc	Nữ	24/4/1995	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	65,5	5	70,5	
606	01.106	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	24/6/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	70,5		70,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
607	01.093	Phan Trần Hạnh Nhân	Nữ	01/7/1996	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	69,3		69,3	
608	01.141	Mai Thị Thúy	Nữ	11/8/2000	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	69,0		69,0	
609	01.084	Nguyễn Thị Nga	Nữ	17/3/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	67,5		67,5	
610	01.122	Lê Thị Bích Thảo	Nữ	17/5/2000	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	66,5		66,5	
611	01.032	Lê Thị Hằng	Nữ	24/9/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	63,0		63,0	
612	01.007	Nguyễn Thị Bo	Nữ	01/3/1992	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	60,5		60,5	
613	01.160	Lê Thị Huyền Trinh	Nữ	19/10/1989	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	60,0		60,0	
614	01.166	Nguyễn Thị Thúy Vân	Nữ	01/8/1997	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	58,0		58,0	
615	01.134	Cù Thị Thu	Nữ	09/02/1998	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	52,8		52,8	
616	01.114	Nguyễn Thị Sương	Nữ	16/01/1993	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Mầm non hạng III	51,3		51,3	
617	02.151	Nguyễn Thị Thu Thúy	Nữ	04/9/1992	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	95,3		95,3	
618	02.152	Lê Thị Thùy	Nữ	09/6/1994	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	94,8		94,8	
619	02.022	Dương Thụy Dự	Nữ	01/12/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	94,1		94,1	
620	02.044	Trà Thị Hậu	Nữ	15/02/1989	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	92,5		92,5	
621	02.057	Lê Thị Ngọc Huân	Nữ	25/9/1994	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	83,8	5	88,8	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
622	02.080	Lâm Thị Ngọc Lin	Nữ	08/9/1996	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	88,3		88,3	
623	02.156	Hồ Thị Thu Thủy	Nữ	06/6/1997	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	87,5		87,5	
624	02.186	Đặng Thị Vân	Nữ	17/02/1991	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	86,9		86,9	
625	02.071	Bùi Thị Bích Lài	Nữ	12/7/1996	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	85,6		85,6	
626	02.108	Lưu Thị Ngọc	Nữ	12/5/1997	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	85,0		85,0	
627	02.073	Châu Thị Lại	Nữ	02/3/1996	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	84,8		84,8	
628	02.198	Nguyễn Thị Mỹ Yên	Nữ	20/3/1995	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	84,8		84,8	
629	02.047	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	13/10/1993	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	77,0	5	82,0	
630	02.060	Phan Văn Hùng	Nam	23/9/1997	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	81,8		81,8	
631	02.053	Ngô Thị Kim Hòa	Nữ	10/7/1994	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	78,1		78,1	
632	02.112	Hồ Thị Nhân	Nữ	26/3/1997	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	76,0		76,0	
633	02.161	Đậu Thị Hoài Thương	Nữ	25/5/1995	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III	74,5		74,5	
634	04.022	Nguyễn Thị Tuyền	Nữ	21/6/1995	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	78,0		78,0	
635	05.007	Nguyễn Thị Yên	Nữ	24/12/1989	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Mỹ thuật)	76,0		76,0	
636	06.082	Huỳnh Kim Tuấn	Nam	20/8/1993	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	94,8		94,8	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
637	06.015	Phạm Công Hải	Nam	02/10/1995	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	76,5	2,5	79,0	
638	06.070	Trần Công Tâm	Nam	27/3/1990	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	77,3		77,3	
639	08.081	Nguyễn Thị Lộc	Nữ	09/6/1990	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	77,0	5	82,0	
640	10.032	Nguyễn Diệu Ly	Nữ	26/11/1997	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	87,5		87,5	
641	10.039	Phan Thị Ngọc Ngân	Nữ	02/6/2000	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	66,5		66,5	
642	11.117	Phan Thị Ái Vân	Nữ	20/01/1994	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	90,7		90,7	
643	11.097	Trần Thị Hồng Thúy	Nữ	26/4/1993	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	78,8		78,8	
644	11.119	Nguyễn Phạm Thị Viễn	Nữ	16/7/1993	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	72,8		72,8	
645	11.011	Bùi Thị Ái Diễm	Nữ	22/3/1996	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	72,5		72,5	
646	11.059	Phan Thị Mỹ	Nữ	02/12/1996	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Sinh học)	66,0		66,0	
647	13.025	Hồ Viết Hàng	Nam	24/4/1994	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	78,5		78,5	
648	13.126	Trần Thị Vân	Nữ	14/02/1989	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	73,4		73,4	
649	13.003	Nguyễn Thị Anh	Nữ	20/6/1992	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	72,9		72,9	
650	13.101	Hà Thị Thảo	Nữ	05/5/1992	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	71,6		71,6	
651	13.038	Trần Xuân Hùng	Nam	18/10/1995	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	70,1		70,1	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
652	13.091	Hồ Thị Thu Sa	Nữ	19/4/2000	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	67,0		67,0	
653	13.115	Phan Thị Ngọc Tới	Nữ	10/9/1994	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	67,0		67,0	
654	13.093	Lương Thị Diễm Strong	Nữ	01/6/1994	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	66,9		66,9	
655	13.063	Nguyễn Quốc Nam	Nam	15/3/1983	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	66,8		66,8	
656	13.018	Trịnh Thị Mỹ Duyên	Nữ	19/10/1995	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	65,0		65,0	
657	13.090	Võ Thị Hồng Quyên	Nữ	13/4/1995	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	64,3		64,3	
658	14.054	Trần Mai Lệ Tuyền	Nữ	02/9/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	74,3		74,3	
659	14.050	Dương Đức Thông	Nam	10/8/1992	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	67,3	5	72,3	
660	14.057	Nguyễn Thị Bích Vân	Nữ	28/10/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	66,0		66,0	
661	14.016	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Nữ	13/7/1995	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	65,5		65,5	
662	15.006	Nguyễn Thị Chín	Nữ	10/9/1982	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	82,5		82,5	
663	15.027	Nguyễn Thị Hồng Mơ	Nữ	26/4/1991	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	70,5		70,5	
664	15.039	Lê Thị Kiều Oanh	Nữ	18/5/1987	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	70,0		70,0	
665	15.001	Phan Thị Ba	Nữ	25/7/1994	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	63,5		63,5	
666	15.045	Mai Thị Kim Phương	Nữ	12/12/1994	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	50,0		50,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
667	17.047	Nguyễn Thị Tình	Nữ	20/10/1991	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	74,5	5	79,5	
668	17.011	Lê Thị Thu Hằng	Nữ	12/02/1999	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	70,0		70,0	
669	17.012	Triệu Tấn Hiến	Nam	01/02/1989	UBND huyện Thăng Bình	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	60,5		60,5	
670	24.061	Lê Thị Trà Lý	Nữ	25/02/1981	UBND huyện Thăng Bình	Kế toán viên trung cấp	83,1		83,1	
671	24.075	Nguyễn Thị Thuận Phước	Nữ	15/10/1986	UBND huyện Thăng Bình	Kế toán viên trung cấp	83,0		83,0	
672	24.051	Trần Thị Lâm	Nữ	25/01/1996	UBND huyện Thăng Bình	Kế toán viên trung cấp	78,8		78,8	
673	24.062	Lê Thị Thanh Mai	Nữ	13/7/1991	UBND huyện Thăng Bình	Kế toán viên trung cấp	77,9		77,9	
674	24.096	Phan Thị Như Thùy	Nữ	01/10/1985	UBND huyện Thăng Bình	Kế toán viên trung cấp	76,6		76,6	
675	24.022	Phạm Thị Đông	Nữ	04/4/1989	UBND huyện Thăng Bình	Kế toán viên trung cấp	68,0	5	73,0	
676	24.098	Lê Thị Thu Thủy	Nữ	07/11/1992	UBND huyện Thăng Bình	Kế toán viên trung cấp	66,9	5	71,9	
677	24.035	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	03/01/1995	UBND huyện Thăng Bình	Kế toán viên trung cấp	66,1	5	71,1	
678	24.006	Trương Tường Ân	Nữ	05/7/1993	UBND huyện Thăng Bình	Kế toán viên trung cấp	70,8		70,8	
679	24.057	Nguyễn Thị Lợi	Nữ	10/8/1982	UBND huyện Thăng Bình	Kế toán viên trung cấp	69,5		69,5	
680	26.083	Trần Thị Kim Tuyến	Nữ	01/8/1984	UBND huyện Thăng Bình	Văn thư viên trung cấp	98,8	5	103,8	
681	26.081	Hồ Thị Bích Tùng	Nữ	13/4/1992	UBND huyện Thăng Bình	Văn thư viên trung cấp	100,0		100,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
682	26.089	Phan Thị Thanh Vân	Nữ	24/9/1991	UBND huyện Thăng Bình	Văn thư viên trung cấp	100,0		100,0	
683	26.079	Võ Thị Kim Trinh	Nữ	23/7/1989	UBND huyện Thăng Bình	Văn thư viên trung cấp	99,5		99,5	
684	26.048	Tô Thị Nhàn	Nữ	08/9/1992	UBND huyện Thăng Bình	Văn thư viên trung cấp	98,7		98,7	
685	26.082	Hồ Thị Cẩm Tuyên	Nữ	01/11/1993	UBND huyện Thăng Bình	Văn thư viên trung cấp	98,0		98,0	
686	26.021	Trịnh Thị Thu Hiền	Nữ	02/02/1991	UBND huyện Thăng Bình	Văn thư viên trung cấp	96,5		96,5	
687	26.087	Nguyễn Thị Thu Vân	Nữ	27/6/1991	UBND huyện Thăng Bình	Văn thư viên trung cấp	94,9		94,9	
688	26.054	Nguyễn Thị Phương	Nữ	16/01/1996	UBND huyện Thăng Bình	Văn thư viên trung cấp	82,8	5	87,8	
689	26.032	Nguyễn Thị Kim Lan	Nữ	28/5/1992	UBND huyện Thăng Bình	Văn thư viên trung cấp	85,9		85,9	
690	26.060	Phùng Thị Thà	Nữ	23/5/1982	UBND huyện Thăng Bình	Văn thư viên trung cấp	84,5		84,5	
691	26.046	Nguyễn Thị Quý Nguyên	Nữ	12/4/1993	UBND huyện Thăng Bình	Văn thư viên trung cấp	70,9		70,9	
692	26.033	Võ Thùy Lan	Nữ	14/02/1980	UBND huyện Thăng Bình	Văn thư viên trung cấp	68,0		68,0	
693	26.028	Hồ Thị Xuân Hương	Nữ	31/10/1991	UBND huyện Thăng Bình	Văn thư viên trung cấp	64,3		64,3	
694	29.046	Phạm Thùy Trang	Nữ	04/7/1992	UBND huyện Thăng Bình	Thư viện viên hạng IV	87,0		87,0	
695	29.039	Huỳnh Thị Thủy	Nữ	20/3/1991	UBND huyện Thăng Bình	Thư viện viên hạng IV	78,5		78,5	
696	29.032	Nguyễn Thị Kim Phượng	Nữ	05/3/1991	UBND huyện Thăng Bình	Thư viện viên hạng IV	75,8		75,8	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
697	29.026	Phan Thị Năm	Nữ	19/7/1992	UBND huyện Thăng Bình	Thư viện viên hạng IV	74,8		74,8	
698	29.006	Đặng Thị Mỹ Hạnh	Nữ	06/6/1992	UBND huyện Thăng Bình	Thư viện viên hạng IV	73,5		73,5	
699	29.003	Phan Thanh Đông	Nam	27/4/1991	UBND huyện Thăng Bình	Thư viện viên hạng IV	70,5		70,5	
700	29.045	Lê Thị Vân Trang	Nữ	27/4/1994	UBND huyện Thăng Bình	Thư viện viên hạng IV	68,0		68,0	
701	31.019	Đỗ Thị Thúy Phương	Nữ	10/01/1997	UBND huyện Thăng Bình	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	91,0		91,0	
702	31.027	Hồ Thị Trang	Nữ	11/6/1998	UBND huyện Thăng Bình	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	81,0	5	86,0	
703	31.005	Trần Thị Hậu	Nữ	10/7/1992	UBND huyện Thăng Bình	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	82,0		82,0	
704	31.010	Nguyễn Văn Hùng	Nam	12/02/1984	UBND huyện Thăng Bình	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	79,5		79,5	
705	31.028	Hoàng Thị Hồng Trinh	Nữ	03/12/1993	UBND huyện Thăng Bình	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	79,0		79,0	
706	31.013	Trần Thị Linh	Nữ	18/12/1997	UBND huyện Thăng Bình	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	76,0		76,0	
707	31.017	Trịnh Thị Hằng Na	Nữ	09/6/1994	UBND huyện Thăng Bình	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	76,0		76,0	
708	31.025	Võ Thị Thu Thủy	Nữ	11/01/1995	UBND huyện Thăng Bình	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	74,0		74,0	
709	31.016	Trần Thị Ni Na	Nữ	15/10/1996	UBND huyện Thăng Bình	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	74,0		74,0	
710	31.032	Trần Thị Ánh Vui	Nữ	19/3/1994	UBND huyện Thăng Bình	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	73,0		73,0	
711	31.012	Lê Thị Lan	Nữ	04/5/1991	UBND huyện Thăng Bình	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	72,0		72,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
712	31.023	Đặng Thị Thanh Thúy	Nữ	20/5/1995	UBND huyện Thăng Bình	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	72,0		72,0	
713	31.007	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	15/7/1998	UBND huyện Thăng Bình	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	70,0		70,0	
714	01.092	Nguyễn Thị Nhân	Nữ	10/10/1996	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Mầm non hạng III	78,8		78,8	
715	01.137	Trần Thị Thu	Nữ	04/8/1993	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Mầm non hạng III	75,8		75,8	
716	01.099	Trịnh Thị Hoàng Oanh	Nữ	01/01/1984	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Mầm non hạng III	71,3		71,3	
717	01.095	Lê Thị Yển Nhi	Nữ	16/11/1998	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Mầm non hạng III	67,3		67,3	
718	01.051	Võ Thị Kim Lai	Nữ	01/01/2000	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Mầm non hạng III	67,0		67,0	
719	01.058	Trần Thị Mỹ Lê	Nữ	01/9/1997	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Mầm non hạng III	63,8		63,8	
720	01.098	Phạm Thị Oanh	Nữ	08/02/1997	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Mầm non hạng III	57,5		57,5	
721	01.161	Võ Thị Thúy Trinh	Nữ	02/02/1994	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Mầm non hạng III	50,8		50,8	
722	02.100	Phạm Thục My	Nữ	16/9/1998	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	95,5	5	100,5	
723	02.043	Phạm Hồng Hậu	Nữ	28/5/2000	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	96,1		96,1	
724	02.101	Nguyễn Thị Na	Nữ	24/4/1997	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	95,0		95,0	
725	02.049	Nguyễn Thị Hiệp	Nữ	04/11/1995	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	93,6		93,6	
726	02.124	Trần Thị Minh Phước	Nữ	10/02/1999	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	91,0		91,0	

TT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
727	02.173	Lê Thị Kiều	Trân	Nữ	07/01/2000	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	89,1		89,1	
728	02.061	Trần Thị Ngọc	Huyền	Nữ	20/7/2000	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	89,0		89,0	
729	02.015	Đặng Thị Mỹ	Diệp	Nữ	29/4/2000	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	88,8		88,8	
730	02.126	Hồ Thị Trúc	Phương	Nữ	01/4/1995	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	88,8		88,8	
731	02.188	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	01/01/1995	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	88,8		88,8	
732	02.088	Trà Thị	Ly	Nữ	10/01/2000	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	88,6		88,6	
733	02.153	Lê Thị	Thùy	Nữ	05/9/1995	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	88,3		88,3	
734	02.050	Trần Thị	Hiệp	Nữ	17/6/2000	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	86,3		86,3	
735	02.085	Nguyễn Thị Kim	Luyến	Nữ	03/01/1995	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	85,3		85,3	
736	02.099	Nguyễn Thị Thoại	My	Nữ	05/3/1993	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	84,8		84,8	
737	02.064	Trương Thị	Hương	Nữ	08/02/1991	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	83,8		83,8	
738	02.122	Đỗ Thị Kiều	Oanh	Nữ	01/01/1990	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	83,8		83,8	
739	02.183	Phạm Phương	Uyên	Nữ	06/12/2000	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	77,9		77,9	
740	02.179	Lê Thị Ánh	Tuyết	Nữ	07/4/1996	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III	68,1		68,1	
741	03.049	Nguyễn Thị Ngọc	Ngữ	Nữ	17/6/1994	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	71,5		71,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
742	03.091	Nguyễn Thị Mỹ Yên	Nữ	12/12/1995	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	67,8		67,8	
743	03.042	Nguyễn Thị Diệu My	Nữ	01/01/1997	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tiếng Anh)	76,0		76,0	
744	04.014	Ngô Thị Nguyệt	Nữ	01/11/1989	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	95,0		95,0	
745	04.019	Trương Công Quốc	Nam	28/3/1993	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	94,0		94,0	
746	04.015	Trương Thị Duy Nhân	Nữ	01/01/1988	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	93,5		93,5	
747	04.020	Trịnh Thị Thom	Nữ	25/11/1991	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Tin học)	87,5		87,5	
748	06.046	Trương Thị Hồng Mơ	Nữ	06/8/1994	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	91,2		91,2	
749	06.048	Trần Lê Hoài Nam	Nam	12/9/1995	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	87,8		87,8	
750	06.035	Nguyễn Đình Khả	Nam	08/3/1994	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Thể dục)	85,3		85,3	
751	07.005	Trương Công Thanh Tùng	Nam	15/01/1993	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên Tiểu học hạng III (Môn Âm nhạc)	67,0		67,0	
752	08.164	Lương Thị Ty Ty	Nữ	09/11/1996	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên THCS hạng III (Môn Toán)	79,5		79,5	
753	09.042	Ngô Thị Kiều	Nữ	01/01/1989	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lý)	84,5		84,5	
754	09.062	Huỳnh Thị Kim Loan	Nữ	07/5/1994	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lý)	77,0		77,0	
755	09.097	Phan Thị Thu Sương	Nữ	14/6/1991	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên THCS hạng III (Môn Vật lý)	74,0		74,0	
756	10.005	Lê Thị Duyên	Nữ	20/7/1991	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên THCS hạng III (Môn Hóa học)	65,0		65,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
757	13.134	Nguyễn Thị Phương Yên	Nữ	10/7/1997	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	72,3		72,3	
758	13.104	Võ Thanh Thảo	Nữ	20/11/1994	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	64,6		64,6	
759	13.041	Nguyễn Thị Hồng Hương	Nữ	08/4/2000	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên THCS hạng III (Môn Ngữ văn)	53,6		53,6	
760	14.019	Nguyễn Thị Kim Liễu	Nữ	18/8/1996	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên THCS hạng III (Môn Lịch sử)	67,9		67,9	
761	15.044	Lê Thị Ngọc Phương	Nữ	17/01/2000	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên THCS hạng III (Môn Địa lí)	78,3		78,3	
762	16.013	Trịnh Thị Ngọc Thành	Nữ	28/02/1995	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên THCS hạng III (Môn Tiếng Anh)	52,5		52,5	
763	17.013	Trần Văn Huynh	Nam	16/12/1993	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	71,8		71,8	
764	17.032	Nguyễn Thanh Phong	Nam	11/6/1996	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên THCS hạng III (Môn Thể dục)	65,5	2,5	68,0	
765	19.004	Nguyễn Thị Thuyền	Nữ	23/6/1994	UBND huyện Tiên Phước	Giáo viên THCS hạng III (Môn Mỹ thuật)	51,5		51,5	
766	23.005	Huỳnh Thị Mỹ Dung	Nữ	10/11/1986	UBND huyện Tiên Phước	Kế toán viên	91,8		91,8	
767	23.023	Dũ Thị Kiều Oanh	Nữ	10/6/1991	UBND huyện Tiên Phước	Kế toán viên	81,0	5	86,0	
768	23.020	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nữ	06/6/1984	UBND huyện Tiên Phước	Kế toán viên	83,2		83,2	
769	23.022	Tạ Thị Mỹ Nhung	Nữ	26/8/1987	UBND huyện Tiên Phước	Kế toán viên	72,4	5	77,4	
770	23.029	Võ Thị Ánh Thường	Nữ	03/4/1987	UBND huyện Tiên Phước	Kế toán viên	75,6		75,6	
771	23.014	Huỳnh Thị Kiều	Nữ	29/4/1993	UBND huyện Tiên Phước	Kế toán viên	69,9		69,9	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
772	24.034	Huỳnh Thị Hiền	Nữ	30/6/1982	UBND huyện Tiên Phước	Kế toán viên trung cấp	74,2		74,2	
773	24.095	Phạm Thị Kim Thúy	Nữ	02/01/1989	UBND huyện Tiên Phước	Kế toán viên trung cấp	67,3		67,3	
774	26.092	Đặng Ngọc Vương	Nam	10/9/1987	UBND huyện Tiên Phước	Văn thư viên trung cấp	99,0	5	104,0	
775	26.022	Đoàn Thị Hòa	Nữ	01/12/1988	UBND huyện Tiên Phước	Văn thư viên trung cấp	97,5		97,5	
776	26.052	Trần Thị Thùy Oanh	Nữ	21/4/1989	UBND huyện Tiên Phước	Văn thư viên trung cấp	97,2		97,2	
777	26.080	Trần Thị Cẩm Tú	Nữ	08/7/1988	UBND huyện Tiên Phước	Văn thư viên trung cấp	89,3		89,3	
778	26.010	Nguyễn Thị Hồng Diễm	Nữ	08/8/1992	UBND huyện Tiên Phước	Văn thư viên trung cấp	84,0		84,0	
779	26.085	Trần Tố Uyên	Nữ	21/11/1993	UBND huyện Tiên Phước	Văn thư viên trung cấp	83,0		83,0	
780	26.057	Nguyễn Thị Kiều Quyên	Nữ	10/5/1990	UBND huyện Tiên Phước	Văn thư viên trung cấp	82,4		82,4	
781	26.038	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	25/3/1990	UBND huyện Tiên Phước	Văn thư viên trung cấp	78,0		78,0	
782	29.022	Bùi Lê Thảo Ly	Nữ	26/7/1996	UBND huyện Tiên Phước	Thư viện viên hạng IV	86,3		86,3	
783	29.008	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	23/8/1994	UBND huyện Tiên Phước	Thư viện viên hạng IV	79,5		79,5	
784	29.042	Dương Thị Ngọc Tiến	Nữ	28/11/1993	UBND huyện Tiên Phước	Thư viện viên hạng IV	78,5		78,5	
785	29.025	Nguyễn Thị Tri Na	Nữ	30/10/1984	UBND huyện Tiên Phước	Thư viện viên hạng IV	72,8	5	77,8	
786	29.005	Huỳnh Đức Hành	Nam	12/4/1971	UBND huyện Tiên Phước	Thư viện viên hạng IV	67,5		67,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
787	29.038	Trần Thị Minh Thuấn	Nữ	10/9/1992	UBND huyện Tiên Phước	Thư viện viên hạng IV	67,0		67,0	
788	32.025	Ngô Thảo Nhi	Nữ	25/10/1997	Trường PTDTNT Nam Trà My, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Toán)	65,5		65,5	
789	34.013	Nguyễn Phạm Như Tài	Nữ	07/02/1998	Trường PTDTNT Nam Trà My, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Hóa học)	52,5		52,5	
790	37.008	Nguyễn Thị Lập	Nữ	23/12/1997	Trường PTDTNT Nam Trà My, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Ngữ văn)	61,0	5	66,0	
791	38.021	Trần Thị Thu Uyên	Nữ	28/01/1997	Trường PTDTNT Nam Trà My, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Lịch sử)	65,3		65,3	
792	26.078	Trần Thị Tuyết Trinh	Nữ	18/7/1990	Trường PTDTNT Nước Oa, Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn thư viên trung cấp	79,0		79,0	
793	33.011	Lê Thị Hoa	Nữ	12/02/1998	Trường PTDTNT Nước Oa, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Vật lí)	67,0		67,0	
794	32.043	Trần Thị Tính	Nữ	04/02/1991	Trường PTDTNT Phước Sơn, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Toán)	67,5		67,5	
795	35.001	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	29/01/1996	Trường PTDTNT Phước Sơn, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Sinh học)	96,0		96,0	
796	40.010	Đặng Thị Nhi Hiệp	Nữ	01/01/1994	Trường PTDTNT Phước Sơn, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	78,8		78,8	
797	40.028	Đinh Thị Y Sang	Nữ	30/9/1998	Trường PTDTNT Phước Sơn, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	51,0	5	56,0	
798	32.010	Nguyễn Phạm Thanh Định	Nam	29/10/1999	Trường THPT Âu Cơ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Toán)	62,5		62,5	
799	33.007	Phạm Đông	Nam	20/12/1984	Trường THPT Âu Cơ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Vật lí)	72,0		72,0	
800	33.001	Võ Hồng Ân	Nam	12/01/1996	Trường THPT Bắc Trà My, Sở GD&ĐT	Giáo viên THPT hạng III (Môn Vật lí)	57,0		57,0	
801	34.003	Phạm Thị Kiều Diễm	Nữ	15/4/1996	Trường THPT Bắc Trà My, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Hóa học)	76,0		76,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
802	34.012	Phạm Thị Thu Phúc	Nữ	04/10/1995	Trường THPT Bắc Trà My, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Hóa học)	50,0		50,0	
803	37.005	Nguyễn Thị Hiệp	Nữ	23/6/1999	Trường THPT Bắc Trà My, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Ngữ văn)	67,0		67,0	
804	37.007	Hoàng Thị Hà Lam	Nữ	17/01/1993	Trường THPT Bắc Trà My, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Ngữ văn)	65,5		65,5	
805	38.015	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	01/01/1996	Trường THPT Bắc Trà My, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Lịch sử)	67,0		67,0	
806	40.016	Nguyễn Thị Lệ	Nữ	17/4/1989	Trường THPT Bắc Trà My, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	80,0		80,0	
807	40.030	Phạm Thị Phương Thanh	Nữ	14/5/1988	Trường THPT Bắc Trà My, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	50,0		50,0	
808	32.030	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	Nữ	22/12/2000	Trường THPT Chu Văn An, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Toán)	90,5		90,5	
809	32.027	Trần Thị Phụng	Nữ	25/10/1997	Trường THPT Chu Văn An, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Toán)	82,5		82,5	
810	31.020	Trần Thị Tiên Tân	Nữ	17/4/1989	Trường THPT Chuyên Lê Thánh Tông, Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	82,0		82,0	
811	42.003	Ngô Thanh Lâm	Nam	27/3/1992	Trường THPT Chuyên Lê Thánh Tông, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Âm nhạc)	79,5		79,5	
812	43.008	Lê Thị Minh Thư	Nữ	24/4/1998	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Mỹ thuật)	62,0		62,0	
813	42.009	Phan Thị Kim Tuyền	Nữ	07/7/1995	Trường THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm, Sở GDĐT	Giáo viên THPT hạng III (Môn Âm nhạc)	97,0	5	102,0	
814	34.005	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	18/11/1995	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Hóa học)	72,5		72,5	
815	38.017	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	20/11/1996	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Lịch sử)	65,0		65,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
816	40.031	Lê Thị Ái Thi	Nữ	19/5/1993	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	79,0		79,0	
817	33.018	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	30/4/1998	Trường THPT Hiệp Đức, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Vật lí)	65,0		65,0	
818	33.029	Lê Quốc Tín	Nam	02/02/1991	Trường THPT Hiệp Đức, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Vật lí)	64,0		64,0	
819	24.080	Trương Thị Phù Sa	Nữ	21/01/1989	Trường THPT Hồ Nghinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Kế toán viên trung cấp	87,3		87,3	
820	32.018	Nguyễn Văn Khương	Nam	01/3/1997	Trường THPT Hồ Nghinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Toán)	96,0		96,0	
821	36.003	Vũ Thị Thảo	Nữ	06/3/1990	Trường THPT Hồ Nghinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tin học)	51,0		51,0	
822	37.013	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	19/4/1998	Trường THPT Hồ Nghinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Ngữ văn)	50,0		50,0	
823	40.039	Nguyễn Thị Hồng Vy	Nữ	06/01/1998	Trường THPT Hồ Nghinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	90,5		90,5	
824	40.020	Đoàn Thị Như Ngọc	Nữ	20/8/1999	Trường THPT Hồ Nghinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	87,0		87,0	
825	41.009	Lưu Thị Thảo	Nữ	08/9/1998	Trường THPT Hồ Nghinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn GDQPAN)	78,5		78,5	
826	40.009	Phạm Thị Hồng Hạnh	Nữ	31/5/1991	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	71,5		71,5	
827	40.034	Phạm Thị Tiếp	Nữ	06/7/1987	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	57,5		57,5	
828	43.012	Võ Văn Tuấn	Nam	21/12/1984	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Mỹ thuật)	80,0		80,0	
829	40.018	Trần Phương Trúc Linh	Nữ	14/7/1991	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	72,0		72,0	
830	32.038	Trần Thị Thủy	Nữ	10/11/1990	Trường THPT Khâm Đức, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Toán)	78,5		78,5	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
831	32.049	Bùi Thị Thúy Vy	Nữ	10/02/1998	Trường THPT Khâm Đức, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Toán)	78,5		78,5	
832	34.016	Trần Lệ Vân	Nữ	24/02/1995	Trường THPT Khâm Đức, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Hóa học)	62,5		62,5	
833	40.002	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	18/02/1994	Trường THPT Khâm Đức, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	75,5		75,5	
834	40.007	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	03/11/1996	Trường THPT Khâm Đức, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	50,0		50,0	
835	24.082	Trần Thị Như Sinh	Nữ	15/6/1991	Trường THPT Lê Hồng Phong, Sở Giáo dục và Đào tạo	Kế toán viên trung cấp	84,4		84,4	
836	30.004	Nguyễn Thị Kim Huyền	Nữ	24/5/1987	Trường THPT Lương Thế Vinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Công nghệ thông tin hạng III	52,5		52,5	
837	39.007	Phạm Thị Thùy Trao	Nữ	24/7/1994	Trường THPT Lương Thế Vinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Địa lí)	50,0		50,0	
838	26.047	Thái Thị Thanh Nguyệt	Nữ	01/01/1985	Trường THPT Lý Tự Trọng, Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn thư viên trung cấp	94,4		94,4	
839	37.004	Hiên Thị Hảo	Nữ	22/4/2000	Trường THPT Tổ Hữu, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Ngữ văn)	85,5	5	90,5	
840	38.011	Colâu Nách	Nam	04/4/1996	Trường THPT Nam Trà My, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Lịch sử)	55,8	5	60,8	
841	38.012	Zơ râm Nghị	Nam	30/12/1999	Trường THPT Nam Trà My, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Lịch sử)	55,8	5	60,8	
842	39.002	Huỳnh Văn Anh	Nam	17/4/1994	Trường THPT Nam Trà My, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Địa lí)	52,0		52,0	
843	42.005	Lê Thị Phước Lộc	Nữ	21/10/1993	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Âm nhạc)	92,0		92,0	
844	29.055	Đinh Lâm Bảo Yến	Nữ	03/3/1993	Trường THPT Nguyễn Hiền, Sở Giáo dục và Đào tạo	Thư viện viên hạng IV	78,8		78,8	
845	42.006	Nguyễn Hồng Minh	Nam	28/5/1984	Trường THPT Nguyễn Hiền, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Âm nhạc)	93,0		93,0	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
846	39.001	Hoàng Thị Mai Anh	Nữ	21/7/1999	Trường THPT Nguyễn Khuyến, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Địa lí)	75,5		75,5	
847	31.008	Trần Văn Hồng	Nam	10/11/1986	Trường THPT Nông Sơn, Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	70,0	2,5	72,5	
848	32.020	Nguyễn Thị Kim Liên	Nữ	20/02/1989	Trường THPT Nông Sơn, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Toán)	96,0		96,0	
849	32.004	Phạm Thị Hoài Diễm	Nữ	27/01/1992	Trường THPT Nông Sơn, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Toán)	90,0		90,0	
850	34.006	Dương Thị Thu Hương	Nữ	04/8/1990	Trường THPT Nông Sơn, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Hóa học)	67,0		67,0	
851	34.015	Thái Văn Thu	Nam	19/11/1988	Trường THPT Nông Sơn, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Hóa học)	50,0		50,0	
852	43.002	Võ Lê Thanh Hân	Nữ	29/11/1995	Trường THPT Núi Thành, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Mỹ thuật)	52,0		52,0	
853	38.006	Trần Thị Huyền	Nữ	19/11/1994	Trường THPT Phạm Phú Thứ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Lịch sử)	56,0		56,0	
854	32.031	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	30/7/1996	Trường THPT Phan Châu Trinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Toán)	74,5		74,5	
855	33.028	Đặng Đình Tiến	Nam	08/7/1998	Trường THPT Phan Châu Trinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Vật lí)	82,0		82,0	
856	37.003	Tăng Ngọc Được	Nam	09/3/1991	Trường THPT Phan Châu Trinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Ngữ văn)	79,0		79,0	
857	38.008	Nguyễn Quốc Khánh	Nam	10/6/1997	Trường THPT Phan Châu Trinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Lịch sử)	51,5		51,5	
858	40.037	Nguyễn Thị Quý Trân	Nữ	20/7/1999	Trường THPT Phan Châu Trinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	86,5		86,5	
859	40.025	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	20/4/1993	Trường THPT Phan Châu Trinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	74,5		74,5	
860	26.074	Poloong Trà	Nữ	07/10/1993	Trường THPT Quang Trung, Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn thư viên trung cấp	74,9	5	79,9	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp vị trí dự tuyển	Điểm vòng 2 (sau phúc khảo)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
861	32.047	Lê Nguyên Trường	Nam	07/4/1986	Trường THPT Quang Trung, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Toán)	78,5		78,5	
862	37.009	Rapát Thị Mận	Nữ	23/9/2000	Trường THPT Quang Trung, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Ngữ văn)	55,0	5	60,0	
863	41.003	Alăng Khinh	Nam	15/9/1994	Trường THPT Quang Trung, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn GDQPAN)	72,5	5	77,5	
864	39.003	Đặng Kim Ngân	Nữ	23/9/1995	Trường THPT Sào Nam, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Địa lí)	63,5		63,5	
865	29.010	Arâl Thị Hồng	Nữ	01/5/1993	Trường THPT Tây Giang, Sở Giáo dục và Đào tạo	Thư viện viên hạng IV	50,5	5	55,5	
866	37.011	Tangon Thị Niéch	Nữ	16/8/2000	Trường THPT Tây Giang, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Ngữ văn)	59,0	5	64,0	
867	40.005	Riáh Thị Diều	Nữ	02/01/1996	Trường THPT Tây Giang, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Tiếng Anh)	61,8	5	66,8	
868	41.006	Hóih Rêu	Nam	20/6/1999	Trường THPT Tây Giang, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn GDQPAN)	61,0	5	66,0	
869	42.001	Nguyễn Thủy Diệu Ánh	Nữ	14/6/2000	Trường THPT Tiểu La, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Âm nhạc)	72,5		72,5	
870	43.010	Đỗ Quốc Thiên Trang	Nam	19/7/1981	Trường THPT Tiểu La, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Mỹ thuật)	70,5		70,5	
871	29.052	Đỗ Thị Tường Vi	Nữ	06/6/1985	Trường THPT Trần Phú, Sở Giáo dục và Đào tạo	Thư viện viên hạng IV	77,5		77,5	
872	35.002	Nguyễn Trần Bảo Huyền	Nữ	05/4/1998	Trường THPT Trần Phú, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Sinh học)	62,5		62,5	
873	29.030	Alăng Thị Nhêéc	Nữ	07/6/1998	Trường THPT Võ Chí Công, Sở Giáo dục và Đào tạo	Thư viện viên hạng IV	57,8	5	62,8	
874	32.001	Dương Phú An	Nam	20/12/1995	Trường THPT Võ Chí Công, Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo viên THPT hạng III (Môn Toán)	60,0		60,0	
875	30.006	Dương Thị Loan	Nữ	20/12/1979	Trường THPT Võ Nguyên Giáp, Sở Giáo dục và Đào tạo	Công nghệ thông tin hạng III	59,0		59,0	

Danh sách này có 875 thí sinh./.